

**VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

LÊ THỊ MAY

**GIÁM SÁT CỦA MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM
ĐỐI VỚI XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI
TỪ THỰC TIỄN TÂY NAM BỘ**

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2017

**VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

LÊ THỊ MAY

**GIÁM SÁT CỦA MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM
ĐỐI VỚI XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI
TỪ THỰC TIỄN TÂY NAM BỘ**

**Chuyên ngành: Luật Hiến Pháp và Luật Hành Chính
Mã số: 60.38.01.02**

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:
PGS. TS. HỒ VIỆT HẠNH**

HÀ NỘI - 2017

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của bản thân. Các số liệu, kết quả trình bày trong luận văn hoàn toàn trung thực, có nguồn gốc rõ ràng và được trích dẫn đầy đủ theo quy định.

Vậy tôi viết Lời cam đoan này đề nghị Học viện Khoa học xã hội xem xét để tôi có thể bảo vệ Luận văn.

Tôi xin chân thành cảm ơn!

Tác giả luận văn

Lê Thị May

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM ĐỐI VỚI XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI	9
1.1. Khái niệm về Nông thôn mới và xây dựng Nông thôn mới.....	9
1.2. Khái niệm về giám sát và hoạt động giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.....	13
1.3. Giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đối với xây dựng nông thôn mới.....	25
1.4 Sự cần thiết của hoạt động giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đối với xây dựng nông thôn mới	34
Chương 2: GIÁM SÁT CỦA MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM ĐỐI VỚI XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TỪ THỰC TIỄN TÂY NAM BỘ - THỰC TRẠNG VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA HIỆN NAY	37
2.1. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các tỉnh Tây Nam bộ đối với xây dựng nông thôn mới	37
2.2. Thực trạng xây dựng nông thôn mới các tỉnh Tây Nam Bộ hiện nay	42
2.3. Thực trạng hoạt động giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các tỉnh Tây Nam bộ đối với xây dựng nông thôn mới hiện nay	47
2.4. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân trong hoạt động giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đối với xây dựng nông thôn mới ở miền Tây Nam bộ hiện nay	51

Chương 3: PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ GIÁM SÁT CỦA MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM ĐỐI VỚI XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI Ở MIỀN TÂY NAM BỘ GIAI ĐOẠN 2016 - 2020.....	57
3.1. Phương hướng nâng cao hiệu quả giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đối với xây dựng nông thôn mới ở miền Tây Nam bộ giai đoạn 2016-2020.....	57
3.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả giám sát của Mặt trận Tổ quốc đối với xây dựng nông thôn mới ở các tỉnh Tây Nam bộ giai đoạn 2016 - 2020	66
KẾT LUẬN.....	75
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	77
PHỤ LỤC	

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

MTTQ	Mặt trận Tổ quốc
MTTQ Việt Nam	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam
NTM	Nông thôn mới
UBTWMTTQ	Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc
UBMTTQ VN	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam
CNH, HĐH	Công nghiệp hóa, hiện đại hóa

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Xây dựng nông thôn mới là chủ trương, chính sách lớn của Đảng, Nhà nước nhằm tạo ra sự chuyển biến sâu sắc, toàn diện về kinh tế, văn hóa, chính trị, xã hội ở nông thôn và đã nhận được sự ủng hộ của Nhân dân cả nước, nhất là cư dân nông thôn. Nhân dân kỳ vọng chính sách xây dựng nông thôn mới sẽ làm thay đổi căn bản bộ mặt nông thôn Việt Nam hiện nay với mục tiêu chung là xây dựng nông thôn mới có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội từng bước hiện đại; cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn nông nghiệp với phát triển nhanh công nghiệp, dịch vụ; gắn phát triển nông thôn với đô thị theo quy hoạch; xã hội nông thôn dân chủ, ổn định, giàu bản sắc văn hóa dân tộc; môi trường sinh thái được bảo vệ; an ninh trật tự được giữ vững; đời sống vật chất và tinh thần của người dân ngày càng được nâng cao; theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Tây Nam Bộ gồm có 12 tỉnh (An Giang, Bạc Liêu, Bến Tre, Cà Mau, Đồng Tháp, Tiền Giang, Sóc Trăng, Long An, Hậu Giang, Kiên Giang, Trà Vinh, Vĩnh Long) và 1 thành phố trực thuộc Trung ương (Cần Thơ). Là vùng kinh tế với nhiều lợi thế phát triển nhưng nông nghiệp, nông dân, nông thôn Tây Nam bộ vẫn còn không ít khó khăn. Đó là do: các tỉnh Tây Nam bộ có diện tích tự nhiên lớn, hệ thống sông ngòi, kênh, rạch chằng chịt, nền đất yếu; cơ cấu kinh tế chủ yếu dựa vào sản xuất nông nghiệp nhưng hiệu quả chưa cao; kết cấu hạ tầng nhất là giao thông, thủy lợi, điện, nước sạch... còn thiếu và yếu kém; mức sống của một bộ phận dân cư, nhất là đồng bào dân tộc còn thấp, thường xuyên chịu ảnh hưởng của hạn hán, xâm nhập mặn sâu; khó khăn, hạn chế về nguồn vốn; nguồn nhân lực; chưa xây dựng được mối liên kết 4 nhà (Nhà nông - Nhà doanh nghiệp - Nhà khoa học - Nhà nước) để đảm bảo đầu vào, đầu ra cho sản phẩm nông nghiệp; ...

Những năm qua, hưởng ứng Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Cấp ủy, Chính quyền, MTTQ Việt Nam và các tổ chức thành viên của mặt trận các tỉnh, thành phố khu vực Tây Nam bộ đã tích cực tổ chức triển khai và bước đầu đạt được một số kết quả nhất định. Diện mạo nông thôn có nhiều thay đổi nhất là hệ thống giao thông nông thôn, kết cấu hạ tầng xã hội; mô hình sản xuất tập trung bước đầu được hình thành, thu nhập và đời sống vật chất, tinh thần của người dân được cải thiện, nhận thức của người dân được thay đổi; vai trò chủ thể của Nhân dân trong xây dựng nông thôn mới từng bước được phát huy. Từ chỗ còn tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào đầu tư của Nhà nước, người dân đã chủ động tham gia tích cực vào xây dựng nông thôn mới. Cơ chế trao quyền tự quyết cho cộng đồng thôn, xã đã phát huy sự năng động, sáng tạo của các địa phương... xây dựng nông thôn mới đã trở thành phong trào sôi động rộng khắp trong toàn vùng.

Tuy nhiên, công tác đánh giá hiệu quả, giám sát việc thực hiện các chính sách đầu tư trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới ở các tỉnh, thành phố trong khu vực còn yếu; vai trò giám sát của MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội chưa phát huy hiệu quả; tác động tích cực của việc thực hiện chính sách xây dựng nông thôn mới đến phát triển kinh tế - xã hội toàn khu vực chưa nhiều...

Trước thực trạng đó, nhằm góp phần khắc phục những hạn chế vừa nêu thì việc phát huy vai trò giám sát của MTTQ Việt Nam các tỉnh, thành phố khu vực Tây Nam bộ trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới là hết sức quan trọng.

Những năm gần đây việc nghiên cứu về xây dựng nông thôn mới là đề tài được quan tâm. Vấn đề này cũng được nhìn nhận và đánh giá theo các góc nhìn và tiếp cận khác nhau. Điểm đáng lưu ý là một số nghiên cứu đã bắt đầu tìm hiểu vai trò của các chủ thể xã hội trong quá trình thực hiện Chương trình

này như vai trò của Chính quyền, doanh nghiệp, MTTQ, Hội Nông dân, Đoàn Thanh niên, các tổ chức tự nguyện và người dân nói chung... nhưng chưa có công trình nghiên cứu nào đề cập trực tiếp đến hoạt động giám sát của MTTQ Việt Nam các tỉnh, thành phố khu vực Tây Nam bộ trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Đây được xem là một khoảng trống lớn về mặt nhận thức cần phải nghiên cứu tìm hiểu và làm rõ.

Từ những lý do nêu trên, tôi chọn đề tài “Giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đối với xây dựng nông thôn mới từ thực tiễn Tây Nam bộ” là đề tài luận văn thạc sĩ chuyên ngành Luật Hiến pháp và Luật Hành chính.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Xây dựng nông thôn mới hiện đang là đề tài thu hút sự quan tâm của các nhà nghiên cứu và những người hoạt động thực tiễn. Cho đến nay, các công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài cơ bản như sau:

Vũ Văn Phúc (2012) trong công trình nghiên cứu về “Xây dựng nông thôn mới - những vấn đề lý luận và thực tiễn” [30]. Kết quả nghiên cứu là tập hợp các bài viết có liên quan đến các vấn đề lý luận trong xây dựng nông thôn mới; công trình nghiên cứu này cũng bàn luận một số khía cạnh liên quan đến thực tiễn xây dựng nông thôn mới ở Việt Nam.

Nguyễn Văn Bích (2007), “Nông nghiệp, nông thôn Việt Nam sau 20 năm đổi mới - Quá khứ và hiện tại” [3] đã nhìn nhận một cách khá toàn diện lịch sử phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn nước ta trong thế kỷ XX, nhất là 20 năm đổi mới.

Đặng Kim Sơn (2008), “Nông nghiệp, nông dân, nông thôn Việt Nam hôm nay và mai sau” [40] đã nêu bật thực trạng các vấn đề về nông nghiệp, nông dân, nông thôn hiện nay; những thành tựu, khó khăn, vướng mắc còn tồn tại. Xuất phát từ thực tiễn, tác giả đã đề xuất những định hướng và kiến nghị chính sách nhằm đưa nông nghiệp, nông dân, nông thôn ngày càng phát

triển cho phù hợp với bối cảnh phát triển kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế.

Phạm Xuân Nam (1997), “Phát triển nông thôn” [27] là một công trình nghiên cứu chuyên sâu về phát triển nông thôn. Với công trình này, tác giả đã phân tích sâu sắc một số nội dung về phát triển kinh tế - xã hội nông thôn nước ta như dân số, lao động, việc làm, chuyển dịch cơ cấu kinh tế; vấn đề sử dụng và quản lý nguồn lực tài nguyên thiên nhiên; vấn đề phân tầng xã hội và xóa đói, giảm nghèo. Khi phân tích những thành tựu, yếu kém và thách thức đặt ra trong phát triển nông nghiệp, nông thôn nước ta, tác giả đã chỉ ra yêu cầu hoàn thiện hệ thống chính sách và cách thức chỉ đạo của Nhà nước trong quá trình vận động của nông thôn.

Trần Ngọc Ngoạn (2008), trong cuốn sách “Phát triển nông thôn bền vững những vấn đề lý luận và kinh nghiệm thế giới” [28] đã tiếp cận đến những vấn đề lý luận và kinh nghiệm trong phát triển nông thôn bền vững; làm rõ được những vấn đề: phát triển nông thôn bền vững - một yêu cầu phát triển mới của các quốc gia trên thế giới; cung cấp khung khổ lý thuyết làm cơ sở cho phát triển bền vững nông thôn và một số kinh nghiệm quốc tế trong việc ứng dụng các phương pháp nhằm phát triển bền vững nông thôn.

Phan Xuân Sơn và Nguyễn Cảnh (2009) với công trình “Xây dựng mô hình nông thôn mới ở nước ta hiện nay” [41] đã nêu rõ nội dung nông thôn và nông thôn mới xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Tác giả cũng nhấn mạnh một số biện pháp và điều kiện nhằm thực hiện 19 tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới trong giai đoạn hiện nay.

Trần Lê Đăng Tuấn (2014), “Hệ thống chính trị cấp xã trong việc thực thi chính sách xây dựng nông thôn mới ở Kiên Giang hiện nay” [52]. Trên cơ sở phân tích những vấn đề lý luận, thực tiễn về hệ thống chính trị cấp xã trong việc thực thi chính sách xây dựng nông thôn mới; khảo sát, phân tích kết quả

thực hiện chính sách xây dựng nông thôn mới của một số xã trên địa bàn tỉnh Kiên Giang, tác giả đề xuất một số phương hướng, giải pháp nhằm nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị cấp xã trong việc thực thi chính sách xây dựng nông thôn mới ở Kiên Giang hiện nay.

Các công trình, bài viết nêu trên, dưới nhiều góc độ khác nhau đã tập trung làm rõ mối quan hệ giữa nông nghiệp, nông dân và nông thôn; sự phát triển của nông thôn; mô hình xây dựng nông thôn mới và các vấn đề liên quan đến việc thực hiện chính sách xây dựng nông thôn mới. Tuy nhiên, đến nay chưa có một công trình nào nghiên cứu chuyên sâu và tiếp cận dưới góc độ hoạt động giám sát của Mặt trận Tổ quốc đối với xây dựng nông thôn mới.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích

Trên cơ sở lý luận về thực hiện hoạt động giám sát của MTTQ Việt Nam và khảo sát thực trạng việc MTTQ Việt Nam các tỉnh, thành phố khu vực Tây Nam bộ thực hiện hoạt động giám sát trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 đến nay, luận văn làm rõ thực trạng hoạt động giám sát của MTTQ Việt Nam đối với xây dựng nông thôn mới và đề xuất một số phương hướng, giải pháp chủ yếu nhằm thực hiện hiệu quả hơn hoạt động giám sát của MTTQ Việt Nam trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới khu vực Tây Nam bộ đến năm 2020.

Tham mưu cho Ban Thường trực UBTVMTTQ Việt Nam hướng dẫn các địa phương giám sát có hiệu quả đối với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới của cả nước nói chung và khu vực Tây Nam bộ nói riêng; góp phần nhằm hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Hệ thống hóa những vấn đề lý luận, thực tiễn hoạt động giám sát của MTTQ Việt Nam đối với xây dựng nông thôn mới.

- Xác định tiềm năng, thế mạnh cũng như khó khăn ảnh hưởng đến việc giám sát của MTTQ Việt Nam trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

- Phân tích, vạch ra những thực trạng của hoạt động giám sát của MTTQ Việt Nam các tỉnh, thành phố khu vực Tây Nam bộ đối với xây dựng nông thôn mới.

- Đánh giá những kết quả, hạn chế, chỉ ra nguyên nhân trong quá trình thực hiện hoạt động giám sát của MTTQ Việt Nam các tỉnh, thành phố khu vực Tây Nam bộ đối với xây dựng nông thôn mới từ năm 2010 đến nay.

- Đề xuất những giải pháp cơ bản nhằm đẩy nhanh và thực hiện có hiệu quả hoạt động giám sát của MTTQ Việt Nam các tỉnh, thành phố khu vực Tây Nam bộ đối với xây dựng nông thôn mới đến năm 2020.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đề tài nghiên cứu hoạt động giám sát của MTTQ Việt Nam các tỉnh, thành phố khu vực Tây Nam bộ đối với xây dựng nông thôn mới.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

- Hoạt động giám sát của MTTQ Việt Nam các tỉnh, thành phố khu vực Tây Nam bộ đối với xây dựng nông thôn mới.

- Thời gian nghiên cứu: Từ năm 2010 đến nay.

- Phạm vi hoạt động giám sát của UBMTTQ Việt Nam các tỉnh, thành phố khu vực Tây Nam bộ.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Cơ sở lý luận

Đề tài được nghiên cứu dựa trên phương pháp luận duy vật biện chứng của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng Cộng sản và Nhà nước Việt Nam về phát triển kinh tế, xây dựng đất nước và nông nghiệp, nông dân, nông thôn; nhất là chủ trương, đường lối, chính sách về xây dựng nông thôn mới trong giai đoạn hiện nay; các công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài đã được công bố trước đây.

5.2. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

Đề tài sử dụng tổng hợp các phương pháp nghiên cứu như: Phương pháp phân tích - tổng hợp; Phương pháp logic - lịch sử; Phương pháp tiếp cận hệ thống; Phương pháp thống kê, phân tích tài liệu.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

6.1. Ý nghĩa lý luận

Với kết quả nghiên cứu đạt được, đề tài góp phần hệ thống hóa những vấn đề lý luận về hoạt động giám sát của MTTQ Việt Nam các tỉnh, thành phố khu vực Tây Nam bộ đối với xây dựng nông thôn mới, từ đó tập trung làm rõ chủ thể, nội dung và những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động giám sát của MTTQ Việt Nam các tỉnh, thành phố khu vực Tây Nam bộ đối với xây dựng nông thôn mới trên phạm vi cả nước nói chung và các tỉnh, thành phố khu vực Tây Nam bộ nói riêng.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

- Đề tài phân tích và đánh giá đúng thực trạng vấn đề nhằm cung cấp bức tranh tổng quát về việc thực hiện hoạt động giám sát của MTTQ Việt Nam đối với xây dựng nông thôn mới các tỉnh, thành phố khu vực Tây Nam bộ giai đoạn 2010 đến nay; trên cơ sở đó rút ra những bài học kinh nghiệm, đề xuất những phương hướng, giải pháp cơ bản nhằm nâng cao tính hiệu quả,

hiệu lực trong thực hiện hoạt động giám sát của MTTQ Việt Nam đối với xây dựng nông thôn mới các tỉnh, thành phố khu vực Tây Nam bộ thời gian tới.

- Kết quả nghiên cứu của luận văn có thể là nguồn tài liệu tham khảo cho hệ thống MTTQ Việt Nam, lãnh đạo các cấp, các ngành của khu vực Tây Nam bộ, cũng như của những địa phương có điều kiện tương đồng vận dụng vào thực tiễn lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện động giám sát của MTTQ Việt Nam đối với xây dựng nông thôn mới trong giai đoạn 2016 - 2020.

- Luận văn có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo trong các cơ sở đào tạo, nghiên cứu chính sách và những cá nhân quan tâm đến vấn đề thực hiện chính sách xây dựng nông thôn mới.

7. Cơ cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, mục lục và danh mục tài liệu tham khảo, luận văn gồm 3 chương:

- **Chương 1:** Những vấn đề lý luận về hoạt động giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đối với xây dựng nông thôn mới.

- **Chương 2:** Giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đối với xây dựng nông thôn mới từ thực tiễn Tây Nam bộ - thực trạng và những vấn đề đặt ra hiện nay.

- **Chương 3:** Phương hướng, giải pháp nâng cao hiệu quả động giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đối với xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020.

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM ĐỐI VỚI XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

1.1. Khái niệm về Nông thôn mới và xây dựng Nông thôn mới

1.1.1. Khái niệm về nông thôn mới

Nghị quyết số 26-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) xác định:

“Nông thôn mới là khu vực nông thôn có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội hiện đại; cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn nông nghiệp với phát triển nhanh công nghiệp, dịch vụ; gắn phát triển nông thôn với đô thị theo quy hoạch; xã hội nông thôn dân chủ, ổn định, giàu bản sắc văn hóa dân tộc; môi trường sinh thái được bảo vệ; an ninh trật tự được giữ vững; đời sống vật chất và tinh thần của người dân ngày càng được nâng cao; theo định hướng xã hội chủ nghĩa”.

1.1.2. Khái niệm về xây dựng nông thôn mới

Nông thôn mới là lĩnh vực rộng lớn, liên quan đến cuộc sống và lợi ích của nhiều đối tượng khác nhau, nhiều lĩnh vực khác nhau từ việc xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đến phát triển sản xuất, xóa đói, giảm nghèo, giữ gìn và phát huy truyền thống văn hóa, vấn đề môi trường, giáo dục, an ninh trật tự, xây dựng hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh... Xây dựng nông thôn mới không chỉ góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho cư dân nông thôn, thay đổi bộ mặt nông thôn mà còn là cơ sở để đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Mặt khác, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới là chương trình cần nhiều nguồn lực để thực hiện, do đó cần có vai trò điều tiết và phối hợp của Nhà nước. Ngoài ra, sản xuất nông nghiệp nói riêng và xây dựng nông thôn mới nói chung là lĩnh

vực khó thu hút sự đầu tư từ phía các doanh nghiệp, nhà đầu tư tư nhân vì mức độ rủi ro cao, lợi nhuận mang lại không lớn, thời gian thu hồi vốn lâu, thậm chí là sản xuất, kinh doanh không có lãi. Một số lĩnh vực có ý nghĩa quan trọng trong việc đảm bảo an sinh xã hội, mang lại lợi ích lớn cho nhiều người dân nhưng lại khó thu hút sự tham gia từ phía xã hội do lợi nhuận không cao, thậm chí là không mang lại lợi nhuận như vấn đề xóa đói giảm nghèo, phổ cập giáo dục, đào tạo nghề, xây dựng điện, đường, trường, trạm, các thiết chế văn hóa cơ sở... Vì vậy đòi hỏi phải có sự vào cuộc của Nhà nước.

Xây dựng nông thôn mới là một quá trình, không phải một sớm, một chiều, không thể nôn nóng, cần thận trọng và có bước đi phù hợp, tránh phô trương hình thức vì thực chất quá trình xây dựng nông thôn mới là cuộc cách mạng toàn diện, sâu sắc trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, làm thay đổi cả lực lượng sản xuất lẫn quan hệ sản xuất theo hướng tiến bộ, tạo ra sự biến đổi về chất từ kinh tế, chính trị đến văn hóa, xã hội... từ chỗ chưa hoàn thiện đến chỗ hoàn thiện.

Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới là cái chung. Tuy nhiên, cần áp dụng phù hợp với điều kiện của từng địa phương. Không thể áp dụng cho tất cả các địa phương như nhau vì điều kiện tự nhiên, xã hội, dân trí mỗi nơi đều có sự khác biệt, càng không thể đưa ra thời điểm cùng hoàn thành bộ tiêu chí quốc gia xây dựng nông thôn mới. Thực tế, tùy theo hoàn cảnh cụ thể mà nơi này hoàn thành trước, nơi kia hoàn thành sau, xây dựng nông thôn mới luôn luôn là một sự phát triển không ngừng.

Trong toàn bộ quá trình xây dựng nông thôn mới, phải đặc biệt chú ý đến việc tổ chức sản xuất, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tăng thu nhập cho bà con nông dân. Đây là những vấn đề cực kỳ quan trọng và có ý nghĩa quyết định. Đồng thời là những tiêu chí khó khăn nhất, vì suy cho cùng, xây dựng

nông thôn mới mà kinh tế nông thôn không phát triển, đời sống nông dân không được nâng lên thì chẳng có ý nghĩa gì.

Xây dựng nông thôn mới cần phát huy sức mạnh tổng hợp của từng người dân, từng hộ gia đình, địa phương, cơ sở và Nhà nước, phải trở thành phong trào cách mạng thực sự của bà con nông dân. Không chỉ trông chờ vào Nhà nước. Nhà nước chỉ đóng vai trò quản lý, hỗ trợ, tạo điều kiện để địa phương phát huy quyền chủ động của mình, tận dụng mọi khả năng, thế mạnh, trí tuệ, sáng tạo để xây dựng nông thôn mới một cách có hiệu quả.

1.1.3. Những nội dung cơ bản của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới

Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020 là một chương trình tổng thể về phát triển kinh tế - xã hội, chính trị và an ninh quốc phòng, bao gồm 11 nội dung cơ bản (Quyết định số 800/QĐ - TTg của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020).

- *Một là*, quy hoạch xây dựng nông thôn mới. Quy hoạch xây dựng nông thôn mới là bố trí, sắp xếp các khu chức năng, sản xuất, dịch vụ, hạ tầng kinh tế - xã hội, môi trường trên địa bàn theo tiêu chuẩn nông thôn mới, gắn với đặc thù, tiềm năng, lợi thế của từng địa phương. Nội dung chủ yếu của quy hoạch xây dựng nông thôn mới là quy hoạch sử dụng đất và hạ tầng thiết yếu cho phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ; quy hoạch phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội - môi trường; phát triển các khu dân cư mới và chỉnh trang các khu vực dân cư hiện có trên địa bàn xã.

- *Hai là*, phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, trong đó bao gồm hoàn thiện hệ thống các công trình trên địa bàn xã như đường giao thông đến trụ sở Ủy ban nhân dân xã và hệ thống giao thông; hệ thống các công trình đảm bảo

cung cấp điện phục vụ sinh hoạt và sản xuất; hệ thống các công trình phục vụ nhu cầu về hoạt động văn hóa thể thao; hệ thống các công trình phục vụ việc chuẩn hóa về y tế, giáo dục; hoàn chỉnh trụ sở xã và các công trình phụ trợ; cải tạo, xây mới hệ thống thủy lợi.

- *Ba là*, chuyển dịch cơ cấu, phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập, trong đó bao gồm chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu sản xuất nông nghiệp theo hướng phát triển sản xuất hàng hóa, có hiệu quả kinh tế cao; tăng cường công tác khuyến nông, đẩy nhanh nghiên cứu ứng dụng tiến bộ khoa học vào sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp; tiến hành cơ giới hóa nông nghiệp, giảm tổn thất sau thu hoạch trong sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp; thực hiện bảo tồn và phát triển làng nghề truyền thống theo phương châm “mỗi làng một sản phẩm”, phát triển ngành nghề thế mạnh của địa phương; đẩy mạnh đào tạo nghề cho lao động nông thôn, thúc đẩy đưa công nghiệp vào nông thôn, giải quyết việc làm và chuyển dịch nhanh cơ cấu lao động nông thôn.

- *Bốn là*, thực hiện có hiệu quả Chương trình giảm nghèo bền vững cho 62 huyện có tỷ lệ hộ nghèo cao (Nghị quyết 30^a của Chính phủ) theo tiêu chí quốc gia về nông thôn mới; tiếp tục triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo; thực hiện các chương trình an sinh xã hội.

- *Năm là*, đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất có hiệu quả ở nông thôn bao gồm phát triển kinh tế hộ, trang trại, hợp tác xã; phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ ở nông thôn; xây dựng cơ chế, chính sách thúc đẩy liên kết kinh tế giữa các loại hình kinh tế ở nông thôn.

- *Sáu là*, tiếp tục thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

- *Bảy là*, tiếp tục thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia trong lĩnh vực y tế, đáp ứng yêu cầu của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

- *Tám là*, tiếp tục thực hiện các nội dung của Chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa; thực hiện thông tin và truyền thông nông thôn.

- *Chín là*, tiếp tục thực hiện các nội dung của Chương trình mục tiêu quốc gia về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; đồng thời, xây dựng các công trình bảo vệ môi trường nông thôn trên địa bàn xã, thôn theo quy hoạch gồm: xây dựng, cải tạo nâng cấp hệ thống tiêu thoát nước trong thôn, xóm; xây dựng các điểm thu gom, xử lý rác thải ở các xã; chỉnh trang, cải tạo nghĩa trang; cải tạo, xây dựng các hồ sinh thái trong khu dân cư, phát triển cây xanh ở các công trình công cộng.

- *Mười là*, tổ chức đào tạo cán bộ đạt chuẩn theo quy định của Bộ Nội vụ; ban hành chính sách khuyến khích, thu hút cán bộ trẻ đã được đào tạo, đủ tiêu chuẩn về công tác ở xã, đặc biệt là các vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn để nhanh chóng chuẩn hóa đội ngũ cán bộ ở các vùng này.

- *Mười một là*, ban hành nội quy, quy ước làng xóm về trật tự, an ninh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và các hủ tục lạc hậu; điều chỉnh và bổ sung chức năng, nhiệm vụ và chính sách tạo điều kiện cho lực lượng an ninh xã, thôn, xóm hoàn thành nhiệm vụ đảm bảo an ninh, trật tự xã hội trên địa bàn.

1.2. Khái niệm về giám sát và hoạt động giám sát của MTTQ Việt Nam

1.2.1. Khái niệm về giám sát

Có nhiều khái niệm về “giám sát”; theo hanhchinh.com.vn thì “giám sát” là chỉ hoạt động quan sát, theo dõi xem xét các cơ quan quyền lực nhà nước tòa án, tổ chức xã hội công dân đối với hoạt động của cơ quan nhà nước, các đại biểu dân cử, cán bộ, công chức, tổ chức hay công dân... nhằm đảm bảo cho pháp luật được tuân thủ nghiêm chỉnh.

Trong cuốn “Tìm hiểu một số thuật ngữ trong Văn kiện Đại hội X của Đảng Cộng sản Việt Nam” (NXB Chính trị Quốc gia, trang 184) nêu ra như

sau: “Giám sát” là theo dõi, kiểm tra, phát hiện, đánh giá của cá nhân, tổ chức, cộng đồng người đối với cá nhân, tổ chức, cộng đồng khác trong các lĩnh vực hoạt động kinh tế - xã hội, trong việc thực hiện Hiến pháp, pháp luật, đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách của Nhà nước, các quyền lợi, nghĩa vụ của công dân, của các tổ chức chính trị xã hội và kiến nghị phát huy ưu điểm, thành tựu, xử lý đối với cá nhân, tổ chức có những hành vi sai trái”.

Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng Nhân dân năm 2015 định nghĩa: “*Giám sát*” là việc chủ thể giám sát theo dõi, xem xét, đánh giá hoạt động của cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát trong việc tuân theo Hiến pháp và pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình, xử lý theo thẩm quyền hoặc yêu cầu, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý.

Còn theo Quy chế giám sát và phản biện xã hội của MTTQ Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội được ban hành kèm theo Quyết định số 217-QĐ/TW, ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị thì định nghĩa “Giám sát” là việc theo dõi, phát hiện, xem xét; đánh giá kiến nghị nhằm tác động đối với cơ quan, tổ chức và cán bộ, đảng viên, đại biểu dân cử, công chức, viên chức Nhà nước về việc thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Tóm lại, có thể hiểu “Giám sát” là việc theo dõi, kiểm tra, phát hiện, đánh giá của cá nhân, tổ chức, cộng đồng người đối với cá nhân, tổ chức, cộng đồng khác trong các lĩnh vực hoạt động kinh tế - xã hội, trong việc thực hiện Hiến pháp, pháp luật, đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách của Nhà nước, các quyền lợi, nghĩa vụ của công dân, của các tổ chức chính trị - xã hội.

1.2.2. Hoạt động giám sát của MTTQ Việt Nam

MTTQ Việt Nam là tổ chức liên minh chính trị, liên hiệp tự nguyện của tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội và các cá nhân

tiêu biểu trong các giai cấp, tầng lớp xã hội, dân tộc, tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài. MTTQ Việt Nam là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân; đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân; tập hợp, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện dân chủ, tăng cường đồng thuận xã hội; giám sát, phản biện xã hội; tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước, hoạt động đối ngoại nhân dân góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Hoạt động giám sát của MTTQ Việt Nam mang tính xã hội; đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân, kịp thời phát hiện và kiến nghị xử lý sai phạm, khuyết điểm; kiến nghị sửa đổi, bổ sung chính sách, pháp luật; phát hiện, phổ biến những nhân tố mới, các điển hình tiên tiến và những mặt tích cực; phát huy quyền làm chủ của nhân dân, góp phần xây dựng Nhà nước trong sạch, vững mạnh.

Tuy nhiên, hoạt động giám sát của MTTQ trên thực tế vẫn còn tồn tại những hạn chế.

1.2.2.1. Cơ sở lý luận và cơ sở pháp lý của hoạt động giám sát của MTTQ Việt Nam

Từ trước đến nay, Đảng luôn đề cao và quan tâm phát huy vai trò của MTTQ Việt Nam trong việc tập hợp, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, tăng cường đồng thuận xã hội và vận động nhân dân tham gia xây dựng Đảng, chính quyền nhân dân. Vai trò giám sát và phản biện của MTTQ đã được khẳng định qua các lần Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng, cụ thể: Trong Văn kiện Đại hội lần thứ IX có nêu "*Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân, nơi thể hiện ý chí, nguyện vọng, tập hợp khối đại đoàn kết toàn dân... tham gia xây dựng, chỉnh đốn Đảng, thực hiện giám sát của nhân dân...*

Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng, trên cơ sở tổng kết quá trình thực tiễn đổi mới từ Đại hội lần thứ VI (1986), Đảng ta đã nhận thức sâu sắc và đầy đủ hơn vai trò giám sát của MTTQ Việt Nam và các thành viên của Mặt trận trong việc đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân, góp phần xây dựng Đảng, Nhà nước:

“Nhà nước ban hành cơ chế để Mặt trận và các đoàn thể nhân dân thực hiện tốt vai trò giám sát và phản biện xã hội”; “Xây dựng Quy chế giám sát và phản biện xã hội của MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân đối với việc hoạch định đường lối, chủ trương, chính sách, quyết định lớn của Đảng và việc tổ chức thực hiện, kể cả đối với công tác tổ chức và cán bộ”. Đây là bước ngoặt trong nhận thức cũng như hành động của Đảng về công tác giám sát của MTTQ Việt Nam.

Đến Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Đảng lại tiếp tục khẳng định *“Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân tiếp tục tăng cường tổ chức...; thực hiện dân chủ, giám sát và phản biện xã hội...”*

“Đảng, Nhà nước có cơ chế, chính sách, tạo điều kiện để Mặt trận và các đoàn thể nhân dân hoạt động có hiệu quả, thực hiện vai trò giám sát”.

Đây là sự tiếp tục quan điểm, chủ trương đổi mới công tác Mặt trận, đồng thời bổ sung, nhấn mạnh thêm trách nhiệm của Đảng, Nhà nước trong việc phải *“tạo điều kiện”* trong việc xây dựng cơ chế, chính sách để MTTQ Việt Nam, các đoàn thể nhân dân thực hiện tốt vai trò giám sát.

Thực hiện tinh thần và yêu cầu của các Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, X, XI đã đề ra, Bộ Chính trị đã ban hành Quy chế giám sát và phản biện của MTTQ Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội (kèm theo Quyết định số 217-QĐ/TW ngày 12/12/2013). Quy chế gồm 5 chương, 19 điều, trong đó có 1 chương riêng về hoạt động giám sát của MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội (Chương II). Quy chế đã quy định cụ thể về

giám sát của MTTQ Việt Nam, như: khái niệm giám sát (Điều 1); mục đích, tính chất giám sát (Điều 2); nguyên tắc giám sát (Điều 3); chủ thể giám sát (Điều 4); đối tượng và nội dung giám sát (Điều 5); phạm vi giám sát (Điều 6); phương pháp giám sát (Điều 7); quyền, trách nhiệm của các chủ thể trong giám sát (Điều 8); điều kiện bảo đảm cho hoạt động giám sát (Điều 13); việc xử lý vi phạm (Điều 15)...

Có thể nói, Quy chế giám sát và phản biện của Bộ Chính trị là một văn bản rất đặc thù của Đảng. Bởi vì, đây là văn bản đầu tiên của Đảng được ban hành theo một thể thức tương tự như một văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước với những quy định rất cụ thể, chi tiết về giám sát và phản biện xã hội của MTTQ Việt Nam để điều chỉnh hoạt động của các cơ quan, tổ chức không phải là cơ quan, tổ chức đảng. Quy chế này đã mở ra một bước ngoặt lớn trong nhận thức về giám sát và phản biện xã hội của MTTQ Việt Nam trong hệ thống chính trị cũng như trong xã hội. Quan trọng hơn, đây là cơ sở chính trị quan trọng để MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện chức năng, nhiệm vụ giám sát và phản biện xã hội, đáp ứng những yêu cầu bức thiết trong giai đoạn lịch sử hiện nay đặt ra.

Có thể khẳng định, những quan điểm và chủ trương lớn của Đảng về giám sát của MTTQ Việt Nam trong thời gian qua đã thể hiện một bước phát triển quan trọng về tư duy chính trị và về chính sách, phương thức lãnh đạo đối với công tác Mặt trận, đối với việc phát huy quyền dân chủ của nhân dân trong việc tham gia xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước. Đây là những điều kiện mới về chính trị rất thuận lợi, đồng thời cũng đặt ra những yêu cầu cao đối với MTTQ và các đoàn thể nhân dân để tiếp tục đổi mới mạnh mẽ và có hiệu quả tổ chức và hoạt động của mình tương ứng với chức năng, trách nhiệm, vị trí ngày càng được nâng cao trong thời kỳ mới.

*** Cơ sở pháp lý**

Từ những quan điểm, chủ trương của Đảng về tổ chức và hoạt động của MTTQ Việt Nam nói chung và về giám sát của MTTQ Việt Nam nói riêng, Nhà nước đã từng bước hoàn thiện hệ thống pháp luật về giám sát của MTTQ Việt Nam, nhất là trong thời gian gần đây.

Trước hết, phải nói đến Hiến pháp năm 1992. Đây là bản Hiến pháp đầu tiên hiến định vai trò, chức năng giám sát của MTTQ Việt Nam. Tại Điều 9 của Hiến pháp quy định:

“Mặt trận phát huy truyền thống đoàn kết toàn dân, tăng cường sự nhất trí về chính trị và tinh thần trong nhân dân, tham gia xây dựng và củng cố chính quyền nhân dân, cùng Nhà nước chăm lo và bảo vệ lợi ích chính đáng của nhân dân, động viên nhân dân thực hiện quyền làm chủ, nghiêm chỉnh thi hành Hiến pháp và pháp luật, giám sát hoạt động của cơ quan Nhà nước, đại biểu dân cử và cán bộ, viên chức Nhà nước”.

Cụ thể hóa quy định về giám sát của MTTQ Việt Nam tại Hiến pháp năm 1992, Điều 12 Luật MTTQ Việt Nam năm 1999 quy định:

“Hoạt động giám sát của MTTQ Việt Nam là giám sát mang tính nhân dân, hỗ trợ cho công tác giám sát, kiểm tra, thanh tra của Nhà nước, nhằm góp phần xây dựng và bảo vệ Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong sạch, vững mạnh, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân. MTTQ Việt Nam giám sát hoạt động của cơ quan nhà nước, đại biểu dân cử, cán bộ, công chức theo quy định của pháp luật”.

Trên cơ sở Điều 12 Luật MTTQ Việt Nam năm 1999, từ 1999 đến năm 2015 là năm ban hành Luật MTTQ Việt Nam, Nhà nước đã ban hành hàng trăm văn bản quy phạm pháp luật, từ Bộ luật, Luật đến nghị định, nghị quyết, thông tư...trong đó có quy định về chức năng giám sát của MTTQ Việt Nam. Hầu hết các văn bản pháp luật chuyên ngành có liên quan đến quyền, nghĩa vụ cơ bản của công dân, đến kinh tế, xã hội đều có quy định việc MTTQ Việt

Nam tham gia giám sát và động viên nhân dân phát huy quyền làm chủ, giám sát đối với công tác quản lý nhà nước thuộc lĩnh vực đó. Có thể nêu một số quy định trong một số luật chuyên ngành như sau:

- Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 quy định: “UBMTTQ Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận...có quyền giám sát hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng” (Điều 32).

- Luật bầu cử đại biểu Quốc hội năm 2010 quy định: “MTTQ Việt Nam...tham gia giám sát việc bầu cử đại biểu Quốc hội” (Điều 5).

- Luật bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2010 quy định: “Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam...tham gia giám sát việc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân” (Điều 6).

- Luật tổ chức Chính phủ năm 2001 quy định: “Chính phủ tạo điều kiện thuận lợi để MTTQ Việt Nam...giám sát hoạt động của cơ quan nhà nước, đại biểu dân cử, cán bộ, công chức và viên chức nhà nước” (Điều 39).

- Luật khiếu nại năm 2011 quy định: “MTTQ Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận có trách nhiệm giám sát việc thi hành pháp luật về khiếu nại theo quy định của Luật này” (Điều 66).

- Luật tố cáo năm 2011 quy định: “Ủy ban MTTQ Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận...giám sát việc thi hành pháp luật về tố cáo và giải quyết tố cáo” (Điều 44).

- Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 quy định: “MTTQ Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận và mọi công dân giám sát hoạt động của cơ quan, người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính” (Điều 19).

- Luật phòng, chống tham nhũng năm 2012 quy định: “MTTQ Việt Nam và các tổ chức thành viên có trách nhiệm... giám sát việc thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng” (Điều 8)....

Đến Hiến pháp năm 2013, trên cơ sở kế thừa Hiến pháp năm 1992 (sửa đổi, bổ sung năm 2001), tại Điều 9 tiếp tục khẳng định:

“MTTQ Việt Nam là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân; đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân; tập hợp, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện dân chủ, tăng cường đồng thuận xã hội; giám sát, phản biện xã hội; tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước, hoạt động đối ngoại nhân dân góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”.

Cụ thể hóa Hiến pháp năm 2013 và kế thừa Luật MTTQ Việt Nam năm 1999, Luật MTTQ Việt Nam năm 2015 đã cụ thể hóa, bổ sung những quy định mới những quy định về quyền và trách nhiệm giám sát của MTTQ Việt Nam tại Hiến pháp năm 2013 và Quyết định số 217/QĐ-TW về: “*Quy chế giám sát và phản biện của MTTQ Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội*”. Hiện nay, hoạt động giám sát của MTTQ Việt Nam có hẳn một chương riêng quy định hoạt động giám sát của MTTQ Việt Nam (*Chương V - từ Điều 25 đến Điều 31*).

Điều 25, Luật MTTQ Việt Nam năm 2015 đã chỉ rõ tính chất, mục đích và nguyên tắc giám sát của MTTQ Việt Nam như sau:

“1. Giám sát của MTTQ Việt Nam là việc UBMTTQ Việt Nam các cấp trực tiếp hoặc đề nghị các tổ chức thành viên của MTTQ Việt Nam theo dõi, xem xét, đánh giá, kiến nghị đối với hoạt động của cơ quan, tổ chức, đại biểu dân cử, cán bộ, công chức, viên chức trong việc thực hiện chính sách, pháp luật.

2. Giám sát của MTTQ Việt Nam mang tính xã hội; đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân, kịp thời phát hiện và

kiến nghị xử lý sai phạm, khuyết điểm; kiến nghị sửa đổi, bổ sung chính sách, pháp luật; phát hiện, phổ biến những nhân tố mới, các điển hình tiên tiến và những mặt tích cực; phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, góp phần xây dựng Nhà nước trong sạch, vững mạnh.

3. Hoạt động giám sát được thực hiện theo nguyên tắc bảo đảm phát huy dân chủ, sự tham gia của Nhân dân, thành viên của MTTQ Việt Nam; xuất phát từ yêu cầu, nguyện vọng của Nhân dân; thực hiện công khai, minh bạch, không chông chéo; không làm cản trở hoạt động của cơ quan, tổ chức, cá nhân được giám sát”.

Ngoài Luật MTTQ Việt Nam năm 2015, đã có rất nhiều văn bản quy phạm pháp luật khác được ban hành để thi hành Hiến pháp năm 2013 đã tiếp tục sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện hơn các quy định về vai trò, trách nhiệm giám sát của MTTQ Việt Nam trong các lĩnh vực quản lý nhà nước. Nhất là các văn bản quy pháp pháp luật liên quan đến bộ máy hoạt động của các cơ quan chính quyền đã được sửa đổi để cụ thể hóa quyền và trách nhiệm của mình trong hệ thống chính trị với những quy định cụ thể liên quan đến vai trò của MTTQ Việt Nam trong việc giám sát hoạt động của các cơ quan Nhà nước, phối hợp giám sát đối với các nội dung, lĩnh vực cụ thể với các cơ quan nhà nước có liên quan cũng được thay thế, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với thực tiễn. Trong đó, có nhiều văn bản quy pháp pháp luật quan trọng như: Luật tổ chức Quốc hội năm 2014; Luật tổ chức Chính phủ năm 2015; Luật bầu cử Đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng Nhân dân các cấp năm 2015, Luật tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014; Luật tổ chức VKSND năm 2014; Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân năm 2015...

Nhìn chung, hoạt động giám sát của MTTQ Việt Nam hiện nay đã được các văn bản quy phạm pháp luật, Luật MTTQ Việt Nam quy định khá rõ và

cụ thể về tính chất, mục đích, đối tượng, phạm vi, hình thức giám sát; quyền và trách nhiệm của MTTQ Việt Nam trong hoạt động giám sát, quyền và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân được giám sát cũng được quy định khá cụ thể; trách nhiệm của Quốc hội, Chính phủ, Hội đồng Nhân dân, Ủy ban nhân dân và cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc phối hợp với MTTQ Việt Nam giám sát đã có quy định khá cụ thể với những ràng buộc về quyền và trách nhiệm của mỗi bên, qua đó đã tạo điều kiện về mặt cơ chế để MTTQ Việt Nam thực hiện giám sát có hiệu quả hơn trên thực tế.

1.2.2.2. Tính chất, mục đích và nguyên tắc giám sát

Giám sát của MTTQ Việt Nam là việc UBMTTQ Việt Nam các cấp trực tiếp hoặc đề nghị các tổ chức thành viên của MTTQ Việt Nam theo dõi, xem xét, đánh giá, kiến nghị đối với hoạt động của cơ quan, tổ chức, đại biểu dân cử, cán bộ, công chức, viên chức trong việc thực hiện chính sách, pháp luật.

Giám sát của MTTQ Việt Nam mang tính xã hội; đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân, kịp thời phát hiện và kiến nghị xử lý sai phạm, khuyết điểm; kiến nghị sửa đổi, bổ sung chính sách, pháp luật; phát hiện, phổ biến những nhân tố mới, các điển hình tiên tiến và những mặt tích cực; phát huy quyền làm chủ của nhân dân, góp phần xây dựng Nhà nước trong sạch, vững mạnh. Hoạt động giám sát được thực hiện theo nguyên tắc bảo đảm phát huy dân chủ, sự tham gia của Nhân dân, thành viên của MTTQ Việt Nam; xuất phát từ yêu cầu, nguyện vọng của Nhân dân; thực hiện công khai, minh bạch, không chồng chéo; không làm cản trở hoạt động của cơ quan, tổ chức, cá nhân được giám sát.

1.2.2.3. Đối tượng, nội dung, phạm vi giám sát

Đối tượng giám sát của MTTQ Việt Nam là cơ quan Nhà nước, tổ chức, đại biểu dân cử, cán bộ, công chức, viên chức. Nội dung giám sát của

MTTQ Việt Nam là việc thực hiện chính sách, pháp luật có liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân, quyền và trách nhiệm của MTTQ Việt Nam.

UBMTTQ Việt Nam chủ trì giám sát đối với đối tượng. Theo đề nghị của UBMTTQ Việt Nam hoặc quy định của pháp luật, các tổ chức chính trị - xã hội chủ trì giám sát đối với đối tượng có liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, hội viên, quyền và trách nhiệm của tổ chức mình. Các tổ chức thành viên khác của MTTQ Việt Nam phối hợp với UBMTTQ Việt Nam cùng cấp thực hiện giám sát đối với đối tượng có liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, hội viên, quyền và trách nhiệm của tổ chức mình.

1.2.2.4. Hình thức giám sát

Nghiên cứu, xem xét văn bản của cơ quan có thẩm quyền liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân. Tổ chức đoàn giám sát. Thông qua hoạt động của Ban Thanh tra Nhân dân được thành lập ở cấp xã, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng. Tham gia giám sát với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền. Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ phối hợp với Đoàn Chủ tịch UBMTTQ Việt Nam ban hành nghị quyết liên tịch quy định chi tiết điều này.

1.2.2.5. Quyền và trách nhiệm của MTTQ Việt Nam trong hoạt động giám sát

Phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan xây dựng chương trình, nội dung, kế hoạch giám sát; quyết định thành lập đoàn giám sát và tổ chức hoạt động giám sát theo kế hoạch hoặc khi cần thiết. Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân được giám sát báo cáo bằng văn bản, cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung giám sát. Xem xét khách quan, khoa học những vấn đề liên quan đến nội dung giám sát. Tổ chức đối thoại để làm rõ nội dung kiến nghị

sau giám sát khi cần thiết hoặc theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân được giám sát. Kiến nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xem xét áp dụng các biện pháp để bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của tổ chức, cá nhân; đề nghị xem xét trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật.

Ban hành hoặc phối hợp với cơ quan, tổ chức liên quan ban hành văn bản về kết quả giám sát; chịu trách nhiệm về những nội dung kiến nghị sau giám sát. Theo dõi, đôn đốc việc giải quyết kiến nghị sau giám sát; đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xem xét trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân không giải quyết hoặc giải quyết không đúng quy định của pháp luật. Khen thưởng hoặc đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền biểu dương, khen thưởng người có thành tích trong hoạt động giám sát.

Quyền và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân được giám sát:

Được thông báo trước về nội dung, kế hoạch giám sát. Báo cáo bằng văn bản theo nội dung giám sát; cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung giám sát; báo cáo bổ sung, làm rõ những vấn đề liên quan. Trình bày ý kiến về các nội dung liên quan thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Đề nghị xem xét lại kiến nghị sau giám sát, đối thoại để làm rõ nội dung các kiến nghị đó khi cần thiết.

Tạo điều kiện để MTTQ Việt Nam thực hiện giám sát. Xem xét, giải quyết và trả lời những nội dung kiến nghị sau giám sát của MTTQ Việt Nam. Thực hiện kết luận, quyết định giải quyết của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ban hành liên quan đến những nội dung kiến nghị giám sát của MTTQ Việt Nam.

Trách nhiệm của Quốc hội, Chính phủ, Hội đồng Nhân dân, Ủy ban Nhân dân và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan:

Định kỳ 6 tháng, Quốc hội, Chính phủ, Hội đồng Nhân dân, Ủy ban Nhân dân nghe UBMTTQ Việt Nam cùng cấp thông báo kết quả giám sát; yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan xem xét kiến nghị và đơn đốc việc giải quyết kiến nghị sau giám sát của MTTQ Việt Nam. Cơ quan, tổ chức, cá nhân trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tạo điều kiện và cung cấp thông tin, tài liệu cần thiết cho hoạt động giám sát theo yêu cầu; cử người tham gia giám sát về những nội dung có liên quan; tạo điều kiện để MTTQ Việt Nam thực hiện giám sát; xem xét, giải quyết kiến nghị sau giám sát của MTTQ Việt Nam theo quy định của pháp luật.

Quyền và trách nhiệm của UBMTTQ Việt Nam trong việc bãi nhiệm đại biểu Quốc hội:

Đoàn Chủ tịch UBTW MTTQ Việt Nam, UBMTTQ Việt Nam cấp tỉnh có quyền đề nghị bãi nhiệm đại biểu Quốc hội không còn xứng đáng với sự tín nhiệm của Nhân dân; UBMTTQ Việt Nam ở địa phương có quyền đề nghị bãi nhiệm đại biểu Hội đồng Nhân dân không còn xứng đáng với sự tín nhiệm của nhân dân theo quy định của pháp luật.

UBMTTQ Việt Nam ở địa phương có quyền kiến nghị với Thường trực Hội đồng Nhân dân trình Hội đồng Nhân dân cùng cấp bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Hội đồng Nhân dân bầu theo quy định của pháp luật. UBMTTQ Việt Nam các cấp có trách nhiệm tập hợp, tổng hợp đầy đủ, kịp thời ý kiến, kiến nghị của cử tri và Nhân dân liên quan đến người được lấy phiếu tín nhiệm gửi đến Quốc hội, Hội đồng Nhân dân trước kỳ họp.

1.3. Giám sát của MTTQ Việt Nam đối với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới

Từ những cơ sở pháp lý vừa nêu, nội dung mà MTTQ Việt Nam tiến hành giám sát trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới gồm 07 lĩnh vực sau:

- a. Giám sát việc lập quy hoạch và thực hiện quy hoạch xã nông thôn mới.
- b. Giám sát việc phân bổ các nguồn lực từ ngân sách Trung ương, tỉnh, huyện về cho xã.
- c. Giám sát việc huy động các nguồn lực xã hội trong Nhân dân tại địa phương và bên ngoài.
- d. Giám sát thi công các công trình phục vụ dân sinh được triển khai tại địa phương.
- e. Giám sát việc thẩm định, kiểm tra, công nhận xã, huyện đạt danh hiệu Nông thôn mới.
- f. Giám sát việc thực hiện Pháp lệnh về quy chế dân chủ ở cơ sở.
- g. Giám sát việc Nhân dân thực hiện các quy ước xây dựng nông thôn mới tại địa phương.

1.3.1. Đặc điểm của hoạt động giám sát của MTTQ Việt Nam đối với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới

1.3.1.1. Đối tượng giám sát

- a. Cán bộ, công chức Nhà nước ở các cấp trong quá trình tổ chức triển khai, thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.
- b. Cán bộ xã, ấp; người được Nhân dân tín nhiệm cử vào các tổ chức tự quản ở nông thôn để tham gia trong quá trình triển khai, thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới ở cơ sở.
- c. Các cơ quan, tổ chức, các nhà hảo tâm, các vị “Mạnh Thường Quân” có đóng góp cho địa phương trong quá trình triển khai, thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới ở cơ sở.
- d. Người dân tham gia thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới ở cơ sở.

1.3.1.2. Nội dung giám sát

a. Giám sát việc lập quy hoạch và thực hiện quy hoạch xã nông thôn mới.

Nội dung này cần đảm bảo các yêu cầu:

- Nhân dân phải được tham gia bàn bạc, quyết định trong quá trình lập quy hoạch và thực hiện quy hoạch xã nông thôn mới;

- Các công trình cơ sở hạ tầng phải thiết thực, hiệu quả, phù hợp với nhu cầu thực tế của Nhân dân trong quá trình khai thác sử dụng; tránh chạy theo thành tích, hình thức;

- Phải phù hợp với quy hoạch tổng thể chung của vùng, của liên xã, liên huyện.

- MTTQ Việt Nam cấp xã có trách nhiệm chính trong hoạt động giám sát nội dung này, MTTQ Việt Nam cấp huyện có trách nhiệm điều phối tổng thể chung.

b. Giám sát việc phân bổ các nguồn lực từ ngân sách Trung ương, tỉnh, huyện về cho xã.

Nội dung này cần đảm bảo các yêu cầu:

- Đúng phân bổ;

- Kịp thời;

- Thanh quyết toán đúng qui định, đúng hạn.

MTTQ Việt Nam cấp tỉnh chịu trách nhiệm chính trong giám sát nội dung này; kịp thời thông tin đến MTTQ Việt Nam các cấp dưới theo dõi; MTTQ Việt Nam cấp xã chịu trách nhiệm trực tiếp giám sát.

c. Giám sát việc huy động các nguồn lực xã hội trong Nhân dân tại địa phương và bên ngoài.

Yêu cầu chính của nội dung giám sát này cần đạt được là:

- Nhân dân phải được tham gia bàn bạc, quyết định;

- Nhân dân tự nguyện đóng góp;
- Công khai tài chính minh bạch;
- Nhân dân được tham gia trong Ban vận động đóng góp.
- Thanh quyết toán đúng qui định và công khai trong Nhân dân.

MTTQ Việt Nam cấp xã chịu trách nhiệm chủ yếu và trực tiếp.

d. Giám sát thi công các công trình phục vụ dân sinh được triển khai tại địa phương.

Yêu cầu, nội dung giám sát vận dụng các qui định theo Nghị định 80/NĐ-CP của Chính phủ quy định về Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng.

e. Giám sát việc thẩm định, kiểm tra, công nhận xã, huyện đạt danh hiệu “Nông thôn mới”.

Nội dung này cần đảm bảo các yêu cầu gồm:

- Đảm bảo đạt đủ, đúng các tiêu chí theo quy định của Bộ tiêu chí quốc gia về công nhận xã, huyện nông thôn mới; quận, thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

- Đối với các công trình thuộc về cơ sở hạ tầng phải đảm bảo có biên bản bàn giao theo quy định của pháp luật hiện hành; có tên nhà đầu, đơn vị thi công, đơn vị giám sát, ngày hoàn thành, tiêu chuẩn thiết kế kỹ thuật, thời gian bảo hành,...

- Đối với các tiêu chí thuộc về cộng đồng phải có biên bản họp giữa MTTQ với các đoàn thể chính trị - xã hội cấp xã, cấp huyện thống nhất đồng ý.

- Đầy đủ hồ sơ theo quy định.

f. Giám sát việc thực hiện Pháp lệnh về quy chế dân chủ ở cơ sở.

Yêu cầu, nội dung, biện pháp giám sát thực hiện theo quy định của Pháp lệnh về quy chế dân chủ ở cơ sở.

g. Giám sát việc Nhân dân thực hiện các hương ước, quy ước xây dựng nông thôn mới tại địa phương.

Bộ tiêu chí “Xã nông thôn mới” giai đoạn (2016 – 2020) đối với các tỉnh Tây Nam bộ theo Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ là những nội dung đòi hỏi Nhân dân và cộng đồng phải tự tham gia giám sát lẫn nhau và có hình thức chế tài phù hợp mà trong thực tiễn cuộc sống sẽ khó nếu không nói là không thể xử lý theo quy định của pháp luật được.

1.3.1.3. Hình thức giám sát

a. Giám sát việc lập quy hoạch và thực hiện quy hoạch xã nông thôn mới.

Nội dung này do MTTQ Việt Nam cấp xã chịu trách nhiệm chính, MTTQ Việt Nam cấp huyện có trách nhiệm điều phối tổng thể chung.

- *Một là*, nghiên cứu, xem xét văn bản của cơ quan có thẩm quyền liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân trong việc lập qui hoạch và thực hiện qui hoạch nông thôn mới.

- *Hai là*, vận động Nhân dân giám sát:

+ Nhân dân thực hiện việc giám sát nội dung này thông qua hoạt động của Ban Thanh tra Nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng.

+ Nhân dân trực tiếp thực hiện việc giám sát thông qua quyền khiếu nại, tố cáo, kiến nghị với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền hoặc kiến nghị thông qua UBMTTQ Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận cấp xã, Ban Thanh tra Nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng.

- *Ba là*, tổ chức các đoàn giám sát khi cần thiết.

b. Giám sát việc phân bổ các nguồn lực từ ngân sách Trung ương, tỉnh, huyện về cho xã.

Nội dung này do MTTQ Việt Nam cấp tỉnh chịu trách nhiệm chính. MTTQ Việt Nam cấp tỉnh kịp thời thông tin đến MTTQ Việt Nam các cấp dưới theo dõi; MTTQ Việt Nam cấp xã chịu trách nhiệm trực tiếp giám sát nội dung này.

Hình thức giám sát:

- *Một là*, thông qua nghiên cứu, xem xét văn bản của cơ quan có thẩm quyền liên quan đến việc phân bổ các nguồn lực từ ngân sách Trung ương, tỉnh, huyện về cho xã.

- *Hai là*, vận động Nhân dân giám sát thông qua hoạt động của Ban Thanh tra Nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng hoặc trực tiếp giám sát thông qua quyền khiếu nại, tố cáo, kiến nghị với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền hoặc kiến nghị thông qua UBMTTQ Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận cấp xã, Ban Thanh tra Nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng.

- *Ba là*, tham gia giám sát với Quốc hội, Hội đồng Nhân dân và các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền trong giám sát việc phân bổ ngân sách và quyết toán ngân sách.

- *Bốn là*, tổ chức các đoàn giám sát khi cần thiết.

c. Giám sát việc huy động các nguồn lực xã hội trong Nhân dân tại địa phương và bên ngoài.

MTTQ Việt Nam cấp xã chịu trách nhiệm chủ yếu và trực tiếp giám sát nội dung này.

Hình thức giám sát có thể là:

- *Một là*, nghiên cứu, xem xét văn bản của cơ quan có thẩm quyền liên quan đến việc huy động các nguồn lực xã hội trong Nhân dân tại địa phương và bên ngoài.

- *Hai là*, vận động Nhân dân giám sát thông qua hoạt động của Ban Thanh tra Nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng.

- *Ba là*, tổ chức các đoàn giám sát khi cần thiết.

d. Giám sát thi công các công trình phục vụ dân sinh được triển khai tại địa phương.

Yêu cầu, nội dung giám sát vận dụng các qui định theo Nghị định 80/NĐ-CP của Chính phủ quy định về Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng.

Hình thức giám sát:

- *Một là*, vận động Nhân dân giám sát thông qua hoạt động của Ban Thanh tra Nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng.

- *Hai là*, Nhân dân trực tiếp thực hiện việc giám sát thông qua quyền khiếu nại, tố cáo, kiến nghị với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền hoặc kiến nghị thông qua UBMTTQ Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận cấp xã, Ban Thanh tra Nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng.

- *Ba là*, tổ chức các đoàn giám sát khi cần thiết.

e. Giám sát việc thẩm định, kiểm tra, công nhận xã, huyện đạt danh hiệu “Nông thôn mới”.

Hình thức giám sát gồm:

- *Một là*, Nhân dân thực hiện việc giám sát thông qua hoạt động của Ban Thanh tra Nhân dân.

- *Hai là*, Nhân dân trực tiếp thực hiện việc giám sát thông qua quyền khiếu nại, tố cáo, kiến nghị với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền hoặc kiến nghị thông qua UBMTTQ Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận cấp xã, Ban Thanh tra Nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng.

- *Ba là*, tham gia giám sát với Quốc hội, Hội đồng Nhân dân và các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giám sát việc thẩm định, kiểm tra, công nhận xã, huyện đạt danh hiệu “Nông thôn mới”.

- *Bốn là*, tổ chức các đoàn giám sát khi cần thiết

f. Giám sát việc thực hiện Pháp lệnh về quy chế dân chủ ở cơ sở.

Yêu cầu, nội dung, biện pháp thực hiện theo qui định của Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH11 ngày 20/4/2007 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn.

Hình thức giám sát gồm:

- *Một là*, nghiên cứu, xem xét văn bản của cơ quan có thẩm quyền liên quan đến thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn.

- *Hai là*, vận động Nhân dân giám sát thông qua hoạt động của Ban Thanh tra Nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng.

- *Ba là*, Nhân dân trực tiếp thực hiện việc giám sát thông qua quyền khiếu nại, tố cáo, kiến nghị với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền hoặc kiến nghị thông qua UBMTTQ Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận cấp xã, Ban Thanh tra Nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng.

- *Bốn là*, tổ chức các đoàn giám sát khi cần thiết.

g. Giám sát việc Nhân dân thực hiện các hương ước, quy ước xây dựng nông thôn mới tại địa phương.

- *Một là*, vận động Nhân dân giám sát thông qua hoạt động của Ban Thanh tra Nhân dân.

- *Hai là*, Vận động Nhân dân trực tiếp thực hiện việc giám sát thông qua hương ước, quy ước tại địa phương.

Hương ước, khoán ước (hay còn gọi là lệ làng) ở Việt Nam xuất hiện vào khoảng giữa thế kỷ XV. Đó là những quy ước liên quan đến các mặt của đời sống làng xã được ghi chép thành văn bản (cũng có thể gồm cả những điều lệ không được ghi chép mà truyền khẩu trong dân gian) được cộng đồng làng xã cùng nhau tuân thủ. Hương ước quy định về hầu hết các mặt hoạt động của làng xã người Việt như cách tổ chức và hoạt động của các thiết chế

tổ chức trong làng xã; các hội tư văn, tư võ, hội thiện, phe giáp, xóm ngõ; các hoạt động xã hội như hội hè đình đám, tế lễ, tuần phòng, khao vọng, giao hiếu; và một số hoạt động kinh tế. Những quy ước này vừa có những nét chung vừa mang những nét riêng biệt của mỗi làng Việt. Bộ máy chính quyền mới và hệ thống pháp luật XHCN đã ra đời thay thế hầu như toàn bộ các quy định của “lệ làng” trong quản lý xã hội nông thôn. Tiếp đó, công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội theo mô hình tập trung bao cấp với các hợp tác xã nông nghiệp là chủ thể kinh tế ở nông thôn làm cho làng mất dần vị trí và vai trò quan trọng của nó trong quản lý xã hội và bảo tồn các giá trị văn hóa ở nông thôn, càng làm cho các kiểu lệ làng biến sâu vào quên lãng. Tuy vậy, cũng phải thấy rằng hương ước không biến mất hoàn toàn mà nhiều nội dung của nó vẫn được duy trì bằng cách chuyển hóa và bảo tồn dưới các dạng nét văn hóa truyền thống, các sinh hoạt cộng đồng và các phong tục tập quán lành mạnh trong nhân dân [22] .

Hương ước mới “tự phát” ra đời với nhiều tên gọi khác nhau như “Quy ước làng văn hóa”, “Quy ước làng”, “Quy ước nông thôn”, “Quy ước xây dựng nếp sống văn minh, lập lại kỷ cương xã hội” [22] .

Nội dung các bản hương ước trước hết giới thiệu về truyền thống tốt đẹp của làng trong quá trình hình thành và phát triển qua các giai đoạn lịch sử như lòng yêu nước, đánh giặc giữ làng, thương yêu đùm bọc lẫn nhau, chan hòa thân ái, có ngành nghề truyền thống. Mục đích của việc ban hành hương ước là để giữ gìn và bảo vệ các thuần phong mỹ tục đó, đồng thời để đáp ứng cho thời kỳ phát triển mới. Tiếp đến là các quy định về xây dựng và bảo vệ chính quyền như giúp đỡ, tạo điều kiện cho các cấp chính quyền hoạt động, tham gia bầu chọn các chức danh tự quản ở thôn.

Mặc dù còn có nhiều hạn chế, nhưng sự ra đời của hương ước, quy ước đã đóng góp đắc lực cho việc quản lý thôn xóm thời kỳ này.

Tiếp sau đó, dưới góc độ toàn quốc, Nhà nước đã ban hành một loạt văn bản chỉ đạo, hướng dẫn việc ban hành và thực hiện hương ước, quy ước. Với nền tảng pháp luật này, hương ước mới đã được chính thức hóa và được triển khai mạnh mẽ trên toàn quốc.

Một khi hương ước, quy ước của khu dân cư, của xã, phường, thị trấn được phát huy đúng mức sẽ góp phần hết sức quan trọng trong việc tổ chức triển khai, thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trong giai đoạn hiện nay.

1.4. Sự cần thiết của hoạt động giám sát của MTTQ Việt Nam đối xây dựng nông thôn mới.

Xây dựng thành công Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới sẽ thực sự tạo ra bộ mặt mới cho nông thôn, nâng cao đời sống của một bộ phận lớn người dân Việt Nam. Để làm được điều đó, việc phát huy vai trò chủ thể của người dân ở địa phương là một tất yếu. Vấn đề quan trọng là tìm những cách làm hay nhằm khơi dậy các nguồn lực trong Nhân dân. Vấn đề còn lại ở chỗ là cán bộ Chính quyền, MTTQ và các đoàn thể ở địa phương quán triệt và thấm nhuần quan điểm “lấy dân làm gốc” thì mới có thể đẩy nhanh quá trình tổ chức xây dựng nông thôn mới ở địa phương mình.

Thông qua hoạt động giám sát người dân mới thấy được vị trí “làm chủ”, mới khơi dậy được tinh thần và ý thức trách nhiệm tham gia trong mọi hoạt động; không còn tình trạng ỷ lại vào sự “ban phát” của Nhà nước, của Chính quyền và Mặt trận cấp trên. Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới phải là một nhu cầu cần thiết và “có thực” của người dân, chứ không phải là ý muốn chủ quan của bất cứ “nhà lãnh đạo” nào. Người dân phải muốn quê hương mình, thôn xóm mình văn minh, khang trang, sạch đẹp, không ô nhiễm môi trường, không còn tệ nạn xã hội; người dân trong xóm,

trong áp phải thật sự muốn mình giàu có lên... thì khi đó công cuộc xây dựng nông thôn mới mới thành công.

Kết luận Chương 1

Xây dựng nông thôn mới cần sự phối hợp của các tổ chức trong hệ thống chính trị, trong đó, mỗi tổ chức có chức năng, nhiệm vụ của mình. Với tư cách là tổ chức đại diện cho các tầng lớp nhân dân xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, phát huy quyền làm chủ, thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước, Mặt trận giữ vai trò quan trọng trong quá trình xây dựng nông thôn mới. Tuy nhiên trong quá trình xây dựng nông thôn mới khó tránh khỏi những sai lầm trong vận động đóng góp, trong sử dụng vốn, trong triển khai thực hiện. . . Vì vậy, để khắc phục những hạn chế này, vai trò của Mặt trận, đoàn thể trong hoạt động giám sát rất quan trọng. Trong thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng là một trong những tiểu ban ở cơ sở giám sát việc thực hiện chương trình này. Việc Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng tham gia chương trình xây dựng Nông thôn mới là sự thể hiện dân chủ của nhân dân trong tham gia quản lý, điều hành xã hội.

Việc Hiến pháp, các Bộ Luật, Luật, văn bản quy phạm pháp luật thừa nhận và chính thức đưa vào quy trình làm luật vai trò giám sát của MTTQ Việt Nam là bước tiến lớn trong quá trình phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa ở nước ta; nhằm từng bước phát huy vai trò to lớn của Nhân dân trong việc tham gia xây dựng Đảng, xây dựng Chính quyền và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh. Tuy nhiên, đây cũng chỉ mới là bước khởi đầu để phát huy vai trò của MTTQ Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật có liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân, quyền và trách nhiệm của MTTQ Việt Nam.

Còn nhiều vấn đề cần được tiếp tục nghiên cứu làm rõ như cơ chế giám sát của MTTQ Việt Nam đối với các cơ quan Chính quyền, cơ quan Tư pháp cấp huyện, cấp tỉnh, cấp trung ương, các Tập đoàn kinh tế, Tổng Công ty, các dự án đầu tư quốc gia và của nước ngoài đầu tư vào Việt Nam...; cơ chế kiến nghị của MTTQ Việt Nam; chế tài đối với những cơ quan, đơn vị, cá nhân không trả lời kiến nghị của Mặt trận..

Chương 2

GIÁM SÁT CỦA MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM ĐỐI VỚI XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TỪ THỰC TIỄN TÂY NAM BỘ - THỰC TRẠNG VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA HIỆN NAY

2.1. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động giám sát của MTTQ Việt Nam các tỉnh Tây Nam bộ đối với xây dựng nông thôn mới

2.1.1. Đặc điểm địa lý

Tây Nam bộ (hay còn gọi là vùng Đồng bằng sông Cửu Long) nằm trong khu vực có đường giao thông hàng hải và hàng không quốc tế giữa Nam Á và Đông Nam Á cũng như với châu Đại Dương và các quần đảo khác trong Thái Bình Dương. Vị trí này rất quan trọng trong giao lưu quốc tế.

Tây Nam Bộ có diện tích trên đất liền là 40.572 km² (chiếm 13% diện tích cả nước), có hải phận rộng trên 360.000 km², dân số 17.478.900 người (năm 2002), mật độ dân số trên 431 người/km². Trong đó có khoảng 1,3 triệu người dân tộc Khmer sống tập trung ở các tỉnh Trà Vinh, Sóc Trăng, An Giang, Kiên Giang (Theo Trung tâm và dịch vụ Thống kê - Tổng cục Thống kê).

Tây Nam bộ có vùng biển rộng tiếp giáp với các nước trong khối ASEAN, với hơn 100 hòn đảo lớn nhỏ (trong đó 40 đảo có dân sinh sống); có 17 huyện chạy ven biển Đông bao bọc cả vùng Tây Nam bộ với 700 km bờ biển; có 339,6 km biên giới trên bộ tiếp giáp với Campuchia (phía Tây Nam) gồm 7 huyện là Đức Huệ, Mộc Hoá, Vĩnh Hưng, Tân Hồng, Hồng Ngự, An Phú, Tân Châu; có ba cửa khẩu quốc tế và bốn cửa khẩu quốc gia. Tây Nam bộ còn có hải phận giáp với Thái Lan, Campuchia thuộc hai tỉnh Kiên Giang và Cà Mau. Do vị trí địa lý đặc biệt quan trọng, nên đây là vùng đất mà trong quá khứ kẻ thù đã nhiều lần xâm nhập để thực hiện mưu đồ chống phá nước ta. Ngày nay sự ổn định chính trị, an ninh - quốc phòng của vùng Tây Nam bộ

có vai trò đặc biệt quan trọng đối với sự ổn định và phát triển của đất nước trong thời kỳ hội nhập quốc tế (Lịch sử khai phá vùng đất Nam bộ - quankhoasu 26/11/2013).

Đặc điểm tự nhiên nổi bật và ít có trên cả nước của Tây Nam bộ là vùng có gần một nửa diện tích bị ngập lũ từ 3 đến 4 tháng mỗi năm, vừa có mặt hạn chế đối với canh tác nông nghiệp, gây nhiều khó khăn cho cuộc sống của dân cư nhưng đồng thời cũng tạo nhiều thuận lợi đối với việc khai thác nguồn lợi từ thủy sản, tăng độ phì nhiêu cho đất trồng trọt và làm sạch môi trường.

Theo Thạc sĩ Bùi Duy Hoàng, trong bài “Vai trò của kinh tế nông nghiệp vùng đồng bằng sông Cửu Long, những lĩnh vực sản xuất phát triển động lực trong nông nghiệp của vùng” thì Tây Nam bộ có diện tích đất sản xuất nông nghiệp chiếm 64,2%, đất lâm nghiệp 7,5%, đất ở 6,4%, đất chuyên dùng 3%.

Năm 2013, dân số cả khu vực có khoảng 17.478,9 ngàn người, chiếm 19,48% dân số cả nước. Mật độ dân số trung bình của khu vực là 431 người /km² (gấp 1,98 lần mật độ dân số trung bình của cả nước); dân số nông thôn chiếm 75,47% (nguồn Tổng cục thống kê, Niên giám thống kê cả nước năm 2013)

2.1.2. Đặc điểm kinh tế

Nông nghiệp: Theo chuỗi số liệu từ năm 1995 đến nay, Tây Nam bộ luôn đứng đầu về diện tích đất nông nghiệp, sản lượng lúa cũng như giá trị về sản xuất nông nghiệp so với các vùng trong cả nước. Hiện nay, toàn vùng Tây Nam bộ có diện tích đất sản xuất nông nghiệp đứng đầu cả nước là 2.606,5 ngàn ha (tương đương 25,53% so với diện tích đất sản xuất nông nghiệp của cả nước). Giá trị sản xuất nông nghiệp chiếm 33,3% (năm 2011) so với giá trị nông nghiệp cả nước, gấp 1,91 lần so với giá trị sản xuất nông nghiệp của

vùng Đồng bằng sông Hồng, gấp 2,28 lần vùng Bắc Trung bộ và Duyên hải miền Trung, gấp 3,24 lần so với vùng Trung du và miền núi phía Bắc, 2,29 lần giá trị sản xuất của vùng Bắc Trung bộ và hơn khu vực Đông Nam bộ 3,19 lần).

Mặc dù diện tích canh tác nông nghiệp và thủy sản chưa tới 30% của cả nước nhưng Tây Nam bộ đóng góp hơn 50% diện tích lúa, 71% diện tích nuôi trồng thủy sản, 30% giá trị sản xuất nông nghiệp và 54% sản lượng thủy sản của cả nước. Lúa trồng nhiều nhất ở các tỉnh An Giang, Long An, Đồng Tháp, Tiền Giang. Diện tích và sản lượng thu hoạch chiếm hơn 50% so với cả nước. Bình quân lương thực đầu người gấp 2.3 lần so với lương thực trung bình cả nước. Nhờ vậy nên Tây Nam bộ là nơi xuất khẩu gạo chủ lực của cả đất nước. Ngoài ra cây ăn quả còn đặc sản nổi tiếng của vùng, với sự đa dạng về số lượng, cũng như chất lượng ngày càng được nâng cao.

Nghề nuôi vịt đàn phát triển mạnh, nuôi nhiều ở Đồng Tháp, Hậu Giang, Bạc Liêu, Cà Mau và Sóc Trăng.

Thủy sản: Chiếm 50% cả nước, nhiều nhất ở các tỉnh Cà Mau, Bạc Liêu, Kiên Giang và An Giang. Kiên Giang là tỉnh có sản lượng thủy sản đánh bắt nhiều nhất, 239.219 tấn thủy sản (năm 2000). An Giang là tỉnh nuôi trồng thủy sản lớn nhất vùng với sản lượng 80.000 tấn thủy sản (năm 2000). Nghề nuôi trồng và đánh bắt thủy hải sản đang phát triển mạnh, theo quy mô công nghiệp.

Công nghiệp: Ngành công nghiệp phát triển thấp, chủ yếu là ngành chế biến lương thực. Cần Thơ là trung tâm công nghiệp của cả vùng bao gồm các ngành nhiệt điện, chế biến lương thực, luyện kim đen, cơ khí, hóa chất, dệt may và vật liệu xây dựng.

Dịch vụ: Khu vực dịch vụ của vùng Tây Nam bộ bao gồm các ngành chủ yếu: xuất nhập khẩu, vận tải thủy và du lịch. Xuất khẩu gạo chiếm 80% của cả nước. Giao thông đường thủy giữ vai trò quan trọng nhất.

Du lịch biển chủ yếu ở Kiên Giang với thắng cảnh đẹp ở Hà Tiên, Phú Quốc. Du lịch tâm linh với nhiều chùa đẹp ở An Giang, Sóc Trăng, Bạc Liêu.

Du lịch sinh thái bắt đầu khởi sắc như du lịch trên sông nước, vườn, khám phá các cù lao. Du lịch bền vững bước đầu hình thành với sự thành công của khu nghỉ dưỡng bền vững Mekong Lodge tại Tiền Giang và nhiều địa phương khác như Bến Tre, Vĩnh Long, Cà Mau, Đồng Tháp. Tuy nhiên chất lượng và sức cạnh tranh của các khu du lịch không đồng đều và còn nhiều hạn chế.

Tài nguyên: Tài nguyên rừng cũng giữ những vai trò quan trọng, đặc biệt là hệ thống rừng ngập mặn ven biển lớn nhất Việt Nam, trong đó hệ thống rừng ngập mặn Mũi Cà Mau được công nhận là khu dự trữ sinh quyển thế giới, bên cạnh đó là những cánh rừng tràm ở U Minh Cà Mau, Đồng Tháp với một hệ thống sinh học vô cùng đa dạng.

2.1.3. Đặc điểm văn hóa - xã hội

Tây Nam bộ (đồng bằng sông Cửu Long) là vùng kiến tạo tương đối mới trên một vùng châu thổ với cảnh quan điển hình của một vùng sinh thái sông nước. Lịch sử nền văn minh sông nước đồng bằng sông Cửu Long bắt đầu từ rất sớm, từ Thiên niên kỷ thứ I trước Công nguyên. Dưới ảnh hưởng của văn minh Ấn Độ, trong 6 thế kỷ đầu Công nguyên cư dân vùng đất này đã tạo dựng nền văn minh Phù Nam rực rỡ - một điển hình văn minh sông nước hạ lưu Mêkong trong quá khứ. Văn minh Đồng bằng sông Cửu Long được mệnh danh là văn minh sông nước với nghĩa đầy đủ và đa dạng của nó: Văn minh lúa nước – lúa trời, văn minh kênh rạch, văn minh chợ nổi, văn minh

cảng thị và văn minh miệt vườn (Đồng bằng sông Cửu Long - Bách khoa toàn thư mở Wikipedia).

Do đây là vùng đất mới, thiên nhiên ưu đãi, trù phú, cách xa trung tâm phong kiến nên người Tây Nam bộ chất phác, mộc mạc, phóng khoáng, “trọng nghĩa khinh tài”. Người miền Tây rất yêu thích cải lương vì nó giải bày được nỗi niềm. Cải lương là loại hình sân khấu đặc trưng của sông nước Cửu Long. Nhiều làn điệu dân ca cũng được sinh ra ở đây như các điệu lý, các bản nhạc, các điệu múa của người Khmer cũng sinh ra tại đây. Người miền Tây thích ăn ngọt, mặc áo bà ba, đội khăn rằn, thông thạo về sông nước, thích uống rượu. Văn chương không cầu kỳ. Văn hóa ứng xử ảnh hưởng các cộng đồng anh em: Hoa, Khơ me . Các chuyên đề về ẩm thực miền Tây: Lẩu mắm, Thịt đồng (rùa, rắn, dơi,...), Bánh Pía, Nem Lai Vung, Bánh phồng tôm Châu Giang (Sa Đéc),... Các loại trái cây: Xoài cát Hòa Lộc, Sầu riêng Cái Môn, bưởi Năm roi, Nhãn cơm xuống, Nhãn da bò, Vú sữa Lò rền Vĩnh Kim. Lễ hội Bà Chúa Xứ, Óc-om-bók – cúng trăng rằm tháng 8 (Trà Vinh – Sóc Trăng), Chol-thnăm-thmây, Dolta (cúng tổ tiên vào tháng 10), đua ghe Ngo, lễ hội Nguyễn Trung Trực (Rạch Giá), lễ hội Rạch Gầm – Xoài Mút (Mỹ Tho), lễ hội đua bò ở Tri Tôn – An Giang. Các làng nghề nổi tiếng: Làng chiếu Định Yên – Lấp Vò – Đồng Tháp. Nghề đóng xuống ở Phụng Hiệp, mắm Thái, mắm cá linh, mắm ba khía, nghề làm rượu Gò Đen – Phú Lễ. Phong tục uống rượu, lễ giỗ, cưới, ma chay. Chuyên đề về người Hoa, người Khơ me, Phật giáo Tiểu Thừa (cộng đồng Khơ me ở miền Tây khoảng 1 triệu người, chủ yếu là làm nông, người Hoa sống ở các thành thị và buôn bán. Chuyên đề về lũ lụt miền Tây trồng lúa, xuất khẩu gạo, thủy hải sản...là những chuyên đề luôn được nhắc đến mỗi khi có ai đó ghé thăm miền Tây (Đồng bằng sông Cửu Long - Bách khoa toàn thư mở Wikipedia).

Tuy nhiên, miền đất Tây Nam bộ đang phải đối mặt với những vấn đề lớn của quá trình phát triển:

- Về thu nhập: Khu vực Tây Nam bộ đang xếp cuối so với các vùng trong cả nước về phương diện thu nhập bình quân đầu người; là vùng đất được mệnh danh là “vựa lúa”, “vựa cá” của cả nước, là vùng đất gắn liền với huyền thoại “cò bay mỗi cánh, chó chạy cong đuôi”, là vùng phù sa phì nhiêu nhất nhưng lại là vùng đất nghèo nhất cả nước hiện nay: thu nhập bình quân đầu người với mức 39 triệu đồng/người/năm (Trang tin tức Miền Tây ngày 25/12/2014).

- Về nước sạch: Hiện nay tỷ lệ dân cư nông thôn được sử dụng nước đạt tiêu chuẩn còn ở mức thấp, nhiều vùng dân cư người dân gặp khó khăn về nước sạch, phải mua nước từ xa về với giá cao. Với tổng dân số nông thôn miền Tây Nam bộ là trên 14 triệu người, nhưng số dân được sử dụng nước hợp vệ sinh chỉ đạt 62,1 %, số dân sử dụng nước đạt tiêu chuẩn theo qui định của Bộ Y tế chiếm tỷ lệ rất thấp, chỉ 36,52.

- Về học vấn: Tây Nam bộ được mệnh danh là “vùng trũng” trong nền giáo dục quốc gia trên nhiều phương diện. Thiếu giáo viên ở tất cả các cấp học, thiếu cơ sở vật chất, thiếu ngân sách đầu tư, mạng lưới trường lớp chưa phủ kín toàn vùng, tỉ lệ học sinh đến trường thấp nhất so với các khu vực trong cả nước. (Báo Người Lao động Online ngày 10/6/2016).

2.2. Thực trạng xây dựng nông thôn mới các tỉnh Tây Nam Bộ hiện nay

2.2.1. Những kết quả đạt được

Thứ nhất, nhiều xã đã về đích xây dựng nông thôn mới, bình quân đạt các tiêu chí ở mức cao hơn bình quân cả nước, xóa được “xã trắng tiêu chí” trong xây dựng nông thôn mới. Đến cuối năm 2013, đã có 18 xã đạt chuẩn

nông thôn mới. Bình quân các xã đã đạt 9,23 tiêu chí, tăng 3,19 tiêu chí so với năm 2011 (bình quân cả nước đạt 8,36 tiêu chí). Trong đó:

Có 18 xã đạt 19 tiêu chí, chiếm 1,4%

Số xã đạt 15 - 18 tiêu chí là 4,7%

Số xã đạt 10 - 14 tiêu chí là 36%

Số xã đạt 5 - 9 tiêu chí là 53%

Số xã đạt dưới 5 tiêu chí còn 132 xã bằng 10%.

Thứ hai, nhận thức của phần lớn cán bộ và người dân về chương trình đã có chuyển biến rõ nét, đời sống văn hóa tinh thần của người dân ở nông thôn không ngừng được nâng cao. Xây dựng nông thôn mới đã trở thành phong trào rộng khắp trong nhân dân, kể cả đồng bào các dân tộc ở vùng sâu, vùng xa. Đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ cơ sở đã có bước trưởng thành lớn trong nhận thức, khả năng vận động quần chúng và trình độ tổ chức, quản lý xây dựng nông thôn mới. Nhiều nơi, công tác tuyên truyền về xây dựng nông thôn mới được tổ chức sáng tạo với nhiều hình thức phong phú, như thông qua các phong trào văn nghệ quần chúng (đờn ca tài tử, cải lương), tuyên truyền lưu động, gần gũi với bà con nông dân, người dân đã nhận thức rõ hơn về nông thôn mới, góp phần huy động nguồn lực từ người dân đóng góp cho xây dựng nông thôn mới. Phong trào chung sức xây dựng nông thôn mới và toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa đã được đông đảo cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân hưởng ứng. Đến cuối năm 2013, Tây Nam bộ có khoảng 95% số hộ gia đình và 97% số xã, ấp đạt tiêu chí văn hóa.

Thứ ba, phát triển sản xuất với nhiều mô hình có hiệu quả, nâng cao thu nhập, thực hiện giảm nghèo và đảm bảo an sinh xã hội. Các thành phần kinh tế tham gia đầu tư vào sản xuất, từng bước hình thành các vùng sản xuất tập trung chuyên canh, phát huy lợi thế sản phẩm chủ lực của vùng như lúa, trái cây, thủy sản... Nhiều mô hình liên kết sản xuất có hiệu quả được hình thành

và phát triển như: mô hình “cánh đồng lớn” trong sản xuất lúa nâng cao lợi nhuận cho nông dân từ 2,2 - 2,7 triệu đồng/ha so với ngoài mô hình; nhiều mô hình sản xuất kinh doanh tổng hợp; mô hình trang trại, hợp tác xã... được hình thành và hoạt động có hiệu quả. Tây Nam bộ có khoảng 2.000 trang trại, trên 1.000 hợp tác xã (khoảng 11.000 xã viên), gần 5.000 tổ hợp tác (khoảng 600.000 tổ viên), trong đó có gần 100 tổ hợp tác tham gia sản xuất theo tiêu chuẩn Global GAP.

Nổi bật là các tỉnh An Giang, Đồng Tháp, Kiên Giang, Tiền Giang... đã bước đầu tạo ra hướng đi mới cho nông nghiệp trên cơ sở chú trọng triển khai các mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị đối với các sản phẩm chủ lực (lúa gạo, rau màu, cây ăn trái, thủy sản), trọng tâm là sản xuất gắn với chế biến, tiêu thụ, như: chuỗi giá trị lúa, gạo, chuỗi giá trị rau màu (cà tím, đậu bắp giống Nhật, mô hình trồng bắp - nuôi bò), chuỗi giá trị thủy sản (cá tra, tôm càng xanh), cây ăn trái theo tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP... cho thu nhập từ 80-120 triệu đồng/ha. Góp phần đưa thu nhập bình quân đầu người của khu vực lên trên 34,6 triệu đồng, tăng hơn 2,3 triệu đồng so với năm 2012. Hộ nghèo còn 7,24%, giảm 2% bình quân chung cả nước là 9,6%, hộ cận nghèo là 6,5%.

Thứ tư, hạ tầng nông thôn đã có bước phát triển rõ rệt, nhất là về giao thông, điện, thay thế cầu tạm ... tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển sản xuất và lưu thông hàng hóa. Các địa phương đã ưu tiên tập trung nguồn lực cho phát triển kết cấu hạ tầng, nhất là giao thông, thủy lợi; cùng với sự đồng tình, hưởng ứng của cán bộ và người dân, trở thành phong trào sâu rộng trong toàn vùng, đã làm thay đổi vượt bậc về hạ tầng, góp phần tạo động lực trong phát triển sản xuất, cải thiện điều kiện sống của cư dân nông thôn. Toàn vùng cơ bản hoàn thành mục tiêu xây dựng cụm, tuyến dân cư và nhà ở vùng ngập lũ

(Theo Báo cáo sơ kết 3 năm (2010 -2013) xây dựng nông thôn mới của Ban Chỉ đạo Tây Nam bộ).

Nhiều địa phương có những cách làm sáng tạo trong huy động nguồn lực ngoài ngân sách như tỉnh Cà Mau đã huy động các nguồn lực xã hội để hoàn thành đề án 1.588 cầu giao thông nông thôn; tỉnh Bến Tre đã huy động nguồn lực từ trong dân và các nhà tài trợ để xây dựng hàng nghìn cây cầu bê tông nông thôn mà không sử dụng vốn ngân sách; tỉnh Hậu Giang đã huy động được hơn 1.200 tỷ đồng, trong đó dân đóng góp chiếm 43,4% để nâng số xã có đường ô tô về đến trung tâm đạt 96%,... Qua đó, góp phần hạn chế sự phụ thuộc vào ngân sách đầu tư cho hạ tầng (Theo báo cáo của UBMTTQ Việt Nam các tỉnh, thành phố khu vực Tây Nam bộ tại Hội nghị “Nâng cao hiệu quả cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” tháng 7/2016 tại tỉnh Đồng Tháp).

Thứ năm, huy động được nguồn lực lớn thực hiện chương trình. Tổng kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trong 03 năm đạt 124.340 tỷ đồng; trong đó ngân sách Trung ương 1.832 tỷ đồng (chiếm 1,5%), ngân sách địa phương 4.982 tỷ đồng (chiếm 4%), vốn tín dụng 58.932 tỷ đồng (47,4%), vốn lồng ghép 31.968 tỷ đồng (chiếm 25,7%), doanh nghiệp tài trợ 5.313 tỷ đồng (chiếm 4,3%), đóng góp của dân cư 21.345 tỷ đồng (chiếm 17,2%). Nhiều địa phương có cách làm sáng tạo trong việc huy động nguồn lực như huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu phát động phong trào “Toàn dân xây dựng gia đình nông thôn mới”, vận động Nhân dân đóng góp ngày công lao động, hiến đất (trên 346.250m²) để làm đường.

Thứ sáu, công tác đảm bảo an ninh trật tự ở nông thôn ngày càng ổn định. Nhận thức của các Cấp ủy Đảng, chính quyền cơ sở ở các địa phương về tầm quan trọng của việc bảo đảm an ninh trật tự là một trong những nhiệm vụ quan trọng, có ý nghĩa quyết định trong việc củng cố hệ thống chính trị và bảo

đảm bảo sự phát triển của kinh tế - xã hội địa phương được nâng lên rõ rệt. Vai trò của MTTQ Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội ngày càng phát huy mạnh mẽ, chất lượng hoạt động ngày càng cao. Hưởng ứng phong trào “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới”, các địa phương đã có những cách làm, mô hình mới, sáng tạo, linh hoạt thu hút được người dân tham gia như: Cổng chào xanh-sạch-đẹp; mô hình “Đèn trước ngõ, mỡ trong nhà”... góp phần đảm bảo an ninh trật tự ở nông thôn.

2.2.2. Những tồn tại

Tuy nhiên, quá trình thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới ở Tây Nam bộ vẫn còn nhiều vấn đề đặt ra cần phải giải quyết.

Về tổng thể: Tây Nam bộ có diện tích tự nhiên lớn, hệ thống sông ngòi, kênh, rạch chằng chịt, nền đất yếu; cơ cấu kinh tế vẫn chủ yếu dựa vào sản xuất nông nghiệp nhưng hiệu quả chưa cao; kết cấu hạ tầng nhất là giao thông, thủy lợi, điện, nước sạch... còn thiếu và yếu kém; mức sống của một bộ phận dân cư, nhất là đồng bào dân tộc còn thấp, thường xuyên chịu ảnh hưởng của lũ lụt, đang là những tác động làm chậm tiến trình thực hiện xây dựng nông thôn mới ở khu vực này.

Những vấn đề cụ thể:

- *Một là*, nguồn vốn. Với 1.269 xã thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới, theo tính toán, trung bình mỗi xã phải đầu tư khoảng 300 tỷ đồng để hoàn thành 19 tiêu chí, thì toàn khu vực cần 380.700 tỷ đồng, gấp 3,06 lần số tiền được huy động xây dựng nông thôn mới trong 3 năm 2011 - 2013 (số tiền huy động trong 3 năm là 124.340 tỉ đồng).

- *Hai là*, nguồn nhân lực phục vụ chương trình còn nhiều hạn chế. Mặc dù, đến cuối năm 2013 đã có gần 70% số cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới được tập huấn. Tuy nhiên, công tác tập huấn còn hạn chế. Qua khảo

sát, nhiều cán bộ chủ chốt cấp xã còn chưa nắm được đầy đủ nội dung, phương pháp, cách làm trong xây dựng nông thôn mới.

- *Ba là*, một số tiêu chí còn chưa phù hợp với thực tiễn của vùng Tây Nam bộ. Chẳng hạn, tiêu chí chợ nông thôn, các địa phương cho rằng không nhất thiết một xã cần phải có một chợ để phục vụ người dân. Thực tế cho thấy, đối với nhiều xã, chợ khu vực đã phục vụ tốt nhu cầu của người dân. Hoặc tiêu chí về giảm tỷ lệ lao động trong nông nghiệp xuống 20%, điều này bất hợp lý với các xã thuần nông, có nhu cầu cao về lao động trong nông nghiệp... Bên cạnh đó, tính bền vững của các tiêu chí còn chưa ổn định. Thực tế, có những tiêu chí năm nay đạt nhưng những năm sau chưa hẳn đạt, chẳng hạn tiêu chí về an ninh trật tự...

- *Bốn là*, kết cấu hạ tầng của khu vực yếu kém. Các tiêu chí lĩnh vực này còn rất thấp. Chẳng hạn, số xã đạt tiêu chí về giao thông chỉ đạt 10,5%, tiêu chí nước sạch là 10,6%, cơ sở vật chất văn hóa 5,9%, chỉ bằng 50 - 60% so với cả nước. Nguyên nhân chính là do điều kiện đặc thù về tự nhiên của vùng (hệ thống sông ngòi, kênh rạch chằng chịt, nền đất yếu...), hàng năm chịu ảnh hưởng của lũ và thiếu vật liệu xây dựng tại chỗ nên giá thành đầu tư cao.

- *Năm là*, vấn đề nâng cao thu nhập cho nông dân còn nhiều khó khăn. Đây là khu vực có tiềm năng lớn nhất cả nước về nông nghiệp, nhưng vẫn còn phổ biến tình trạng sản xuất manh mún, nhỏ lẻ, đầu ra bấp bênh, còn cảnh “trúng mùa, rớt giá”.

2.3. Thực trạng hoạt động giám sát của MTTQ Việt Nam các tỉnh Tây Nam bộ đối với xây dựng nông thôn mới hiện nay

Trong giai đoạn 2011 – 2015 MTTQ Việt Nam các tỉnh, thành phố khu vực Tây Nam bộ đã giám sát xây dựng nông thôn mới được ở các lĩnh vực sau:

2.3.1. Giám sát việc huy động các nguồn lực xã hội trong Nhân dân tại địa phương và bên ngoài.

2.3.2. Giám sát thi công các công trình phục vụ dân sinh được triển khai tại địa phương.

2.3.3. Giám sát việc phúc tra và công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới.

Đối với nội dung giám sát (2.3.1), (2.3.2) do MTTQ Việt Nam cấp xã trực tiếp giám sát;

Đối với nội dung giám sát (2.3.3) do MTTQ Việt Nam cấp tỉnh trực tiếp tham gia giám sát.

Kết quả giám sát đã đạt được:

*** Giám sát việc huy động các nguồn lực xã hội trong Nhân dân tại địa phương và bên ngoài.**

So sánh chung trên phạm vi cả nước cũng như từng địa phương; tỉ trọng vốn huy động do Nhân dân tự nguyện đóng góp trên dưới 10% tổng vốn đầu tư từ các nguồn (Trà Vinh 18,67%; Hậu Giang 15,56%; Bến Tre 14,93%; Sóc Trăng 8,69%; Đồng Tháp 2,14%)....Một số tỉnh có điều kiện vận động, huy động tốt trong Nhân dân như Cà Mau (13.892,008 tỷ đồng, chiếm 56,99% tổng vốn đầu tư); Vĩnh Long (1.295 tỷ đồng chiếm 34% tổng vốn đầu tư).

- So với yêu cầu của nội dung giám sát này về cơ bản đã đảm bảo được:

- + Nhân dân tham gia bàn bạc, quyết định;
- + Nhân dân tự nguyện đóng góp;
- + Công khai tài chính minh bạch;
- + Nhân dân được tham gia trong Ban vận động đóng góp.
- + Thanh quyết toán đúng qui định và công khai trong Nhân dân.

- Những kết quả trên là nhờ vai trò hoạt động tích cực của Ban Thanh tra Nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng dưới sự lãnh đạo của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã. Hầu hết các nguồn huy động trong Nhân dân đều được sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả, được Nhân dân đồng tình hưởng ứng, cùng tham gia tổ chức triển khai thực hiện và giám sát.

- Có thể nói, trong 07 lĩnh vực cần tiến hành giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới thì nội dung giám sát việc huy động các nguồn lực xã hội trong Nhân dân tại địa phương và bên ngoài đạt hiệu quả tốt nhất.

*** *Giám sát thi công các công trình phục vụ dân sinh được triển khai tại địa phương.***

- Thông qua việc bàn bạc dân chủ công khai, trao đổi thống nhất mức độ huy động tiền của, vật chất, công sức trong Nhân dân nên nhiều công trình dân sinh phục vụ cộng đồng trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới được triển khai mang lại hiệu quả phục vụ thiết thực trong Nhân dân. Từ sự thống nhất cao về nhận thức của cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc ở cơ sở trong hoạt động giám sát đầu tư của cộng đồng, thường xuyên làm tốt công tác tuyên truyền, phổ biến quy chế về hoạt động giám sát đầu tư của cộng đồng cho Nhân dân, cho các chủ thể có liên quan như chính quyền địa phương, cán bộ Mặt trận, chủ đầu tư, đơn vị thi công... để mọi người, mọi đối tượng hiểu được quyền và nghĩa vụ của mình, đồng tình hưởng ứng, tích cực tham gia nhằm phát huy quyền làm chủ của Nhân dân theo quy định của pháp luật.

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội từ huyện đến cơ sở chủ động tham mưu với cấp ủy, phối hợp với chính quyền cùng cấp lãnh đạo, chỉ đạo và tạo điều kiện (như chế độ công khai dự án, thông tin, tài liệu liên quan đến dự án; xây dựng kế hoạch giám sát; triển khai hoạt động

giám sát; giải quyết các đề xuất, kiến nghị (nếu có); kinh phí hỗ trợ hoạt động...) để Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng hoạt động có hiệu quả.

- Các Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng xây dựng chương trình, kế hoạch công tác giám sát một cách cụ thể, trên cơ sở bám sát sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng gắn với thực hiện nhiệm vụ chính trị ở địa phương để lựa chọn các lĩnh vực, vấn đề vừa có ý nghĩa xã hội cao, vừa phù hợp với khả năng thực hiện.

- Thành viên các Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng cần chú trọng chất lượng, không chạy theo số lượng. Người được chọn phải có những hiểu biết nhất định về chuyên môn, kỹ thuật, quản lý và nhất là phải có lòng nhiệt tình, tinh thần trách nhiệm cao, công tâm, khách quan, trung thực trước Nhân dân. Vì vậy, nên lựa chọn và vận động những người có trình độ chuyên môn phù hợp đã nghỉ hưu, có phẩm chất đạo đức tốt tham gia các Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng. Thường xuyên củng cố, kiện toàn thành viên các Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng bảo đảm đủ tiêu chuẩn, thành phần, số lượng theo quy định. Quan tâm tập huấn bồi dưỡng để nâng cao nghiệp vụ, kỹ năng và hiểu biết pháp luật cho người làm công tác giám sát.

**** Giám sát việc phúc tra và công nhận xã, huyện đạt chuẩn nông thôn mới***

Đây là nhiệm vụ quan trọng của MTTQ Việt Nam cả 04 cấp từ Trung ương đến cấp tỉnh, huyện, xã. Qua hoạt động giám sát của các địa phương Tây Nam bộ nhận thấy việc công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới có đảm bảo theo qui định tại Thông tư số 40/2014/TT-BNNPTNT ngày 13/11/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Hướng dẫn trình tự, thủ tục, hồ sơ xét công nhận và công bố xã, huyện, tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới quy định trình tự, thủ tục công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới gồm các bước:

+ UBND xã tổ chức tự đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí đạt chuẩn nông thôn mới.

+ UBND cấp huyện tổ chức thẩm tra, đề nghị xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới.

+ UBND cấp tỉnh tổ chức thẩm định, Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới.

- Trong quá trình giám sát, những tiêu chí qui định đều có công khai trong Nhân dân, được kiểm tra thực tế đảm bảo yêu cầu. Việc nợ tiêu chí như một số địa phương khác chưa thấy xuất hiện ở khu vực Tây Nam bộ.

2.4. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân trong hoạt động giám sát của MTTQ Việt Nam đối với xây dựng nông thôn mới ở các tỉnh, thành phố khu vực Tây Nam bộ

- Về công tác qui hoạch xã nông thôn mới: MTTQ Việt Nam các tỉnh, thành phố khu vực Tây Nam bộ chưa giám sát được. Từ cấp tỉnh, cấp huyện đến cấp xã. Nguyên nhân là do chưa có qui định, hướng dẫn và phân công trách nhiệm cụ thể từ Trung ương (giữa các Bộ và cả Mặt trận Trung ương); do cán bộ không có thông tin và không có đủ kiến thức trong lĩnh vực qui hoạch phát triển tổng thể vùng, khu vực và của xã địa phương mình.

- Về tài chính: Nhìn chung MTTQ Việt Nam cấp xã đã làm tốt việc giám sát các nguồn huy động từ Nhân dân trong xã để xây dựng các công trình phục vụ nhu cầu dân sinh tại chỗ. Các nguồn tài chính được phân bổ từ các cấp trên (huyện, tỉnh, trung ương) đều không có điều kiện giám sát. Đây chính là “lỗ hổng” lớn trong cơ chế giám sát các nguồn đầu tư từ ngân sách Nhà nước rất cần chấn chỉnh trong thời gian tới.

Theo quy định, các công trình đầu tư đều có giám sát thiết kế, giám sát thi công, có Thanh tra ngành, có nghiệm thu từng phần và nghiệm thu công trình khi kết thúc, có kiểm toán... Tuy nhiên, những công trình triển khai thực

hiện tại địa phương (có những công trình thuộc vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn) nên cán bộ, công chức phụ trách ít quan tâm sâu sát, không thường xuyên, trực tiếp có mặt ở tại công trình nên trong quá trình thi công một số nơi không đảm bảo chất lượng.

Điểm hạn chế trong nội dung giám sát này là do năng lực, kinh nghiệm giám sát có hạn, thông tin không đầy đủ và chưa kịp thời nên MTTQ Việt Nam cấp xã, các Ban Thanh tra Nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng chỉ giám sát được một phần nhỏ kinh phí trong các công trình đầu tư tại địa phương. Thông thường, cán bộ Mặt trận, Ban Thanh tra Nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng chỉ được thông tin từ cán bộ chuyên trách về số kinh phí chuyên về bao nhiêu, đầu tư vào chương trình, dự án nào thế là đi vào giám sát mà chưa chủ động truy xuất, chưa phân rõ được các nguồn kinh phí từ đâu chuyên về, định mức phân bổ bao nhiêu, yêu cầu sử dụng như thế nào...

- Về việc thực hiện qui chế dân chủ “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” trong hoạt động đầu tư: Trên thực tế thì một số công trình đầu tư trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới chỉ nhằm để “đảm bảo chỉ tiêu”, đầu tư theo chương trình dự án chung mà không có sự trao đổi, bàn bạc thống nhất với Chính quyền và người dân địa phương - là những người trực tiếp thụ hưởng thành quả của những công trình này nên công trình xây dựng xong không đưa vào hoạt động được (Nhà văn hóa của xã Lý Văn Lâm, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xây dựng giữa cánh đồng mà không có đường đi vào; chợ xã Lý Văn Lâm xây dựng xong người dân không vào họp chợ do người dân trong xã có thói quen đi chợ Cà Mau chỉ cách đó 2 km).

- Về giám sát trong đánh giá, thẩm tra, thẩm định, công nhận đạt chuẩn xã nông thôn mới, huyện nông thôn mới; thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm

vụ xây dựng nông thôn mới: Nhìn chung vai trò tham gia của MTTQ Việt Nam các cấp còn rất mờ nhạt, chưa hiệu quả, thực tế một số nơi tham gia cho đủ thành phần. Mặt khác, cũng còn tồn tại tư tưởng “thông qua để địa phương đạt chỉ tiêu xây dựng nông thôn mới” theo nghị quyết Đại hội đã đề ra. Thậm chí, có tỉnh còn cho nợ tiêu chí việc xét duyệt, thẩm định, công nhận các danh hiệu nông thôn mới.

Tình trạng như “nuơng nhẹ” hoặc có điều chỉnh cho phù hợp với thực tế như trường hợp:

+ Nhà Văn hóa thi tạm sử dụng Hội trường của UBND xã (huyện Đông Hải, tỉnh Trà Vinh).

+ Hiệu quả sử dụng không cao, chẳng hạn như xã Lý Văn Lâm, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xây dựng Nhà Văn hóa giữa cánh đồng không hoạt động được vì lý do không có đường để đi vào.

+ Cầu giao thông nông thôn xây dựng xong nhưng không hoạt động được do không có đường đi...

- Những lĩnh vực chưa giám sát được là: Giám sát việc lập qui hoạch và thực hiện qui hoạch xã nông thôn mới; Giám sát việc phân bổ các nguồn lực từ ngân sách Trung ương, tỉnh, huyện về cho xã; Giám sát việc thực hiện Pháp lệnh về qui chế dân chủ ở cơ sở; Giám sát việc Nhân dân thực hiện các qui ước xây dựng nông thôn mới tại địa phương

*** Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế:**

- Nguyên nhân khách quan:

+ Cơ sở pháp lý về hoạt động giám sát của MTTQ Việt Nam trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới chưa được đề cập trong hệ thống các văn bản chỉ đạo của Chương trình từ Trung ương xuống đến địa phương.

Những nội dung giám sát mà MTTQ Việt Nam các tỉnh, thành phố khu vực Tây Nam bộ đã thực hiện được trong những năm vừa qua chủ yếu là vận dụng Quyết định 217/QĐ-TW ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị ban hành Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội và Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH11 ngày 20/4/2007 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn.

+ Cấp ủy, Chính quyền một số địa phương nhất là ở xã, phường, thị trấn chưa có sự quan tâm đúng mức và chưa nhận thức được tầm quan trọng về vai trò của MTTQ Việt Nam trong giám sát Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

+ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới là một chương trình toàn diện nhằm phát triển nông thôn Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hóa – hiện đại hóa đất nước, hội nhập sâu rộng với các nước trong khu vực và thế giới; vừa đảm bảo phát triển kinh tế đi đôi với công bằng và an sinh xã hội vừa bảo tồn và phát huy đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc nên chương trình bao quát hầu hết các lĩnh vực của đời sống kinh tế - văn hóa - xã hội với nhiều nội dung phong phú, đa dạng được triển khai trên địa bàn xã nên MTTQ Việt Nam các cấp trên phạm vi cả nước nói chung và các tỉnh, thành phố khu vực Tây Nam bộ nói riêng chưa kịp thời thích nghi và chưa đủ nhân lực, kinh nghiệm để thực hiện nhiệm vụ giám sát theo quy định và yêu cầu thực tế của Chương trình.

+ Tập quán của cộng đồng cư dân Nam bộ chưa quen với việc thực hiện hương ước, quy ước ở khu dân cư; chưa quen dùng hương ước, qui ước để chế tài đối với các hành vi đi ngược lại với đạo đức, thuần phong, mỹ tục, nếp sống văn minh, gia đình văn hóa, những hành vi vi phạm chưa đến mức xử phạt vi phạm hành chính hay truy tố bằng pháp luật hình sự (tiểu tiện, đại

tiện, bỏ rác không đúng nơi quy định; phơi quần áo làm mất mỹ quan đô thị; ăn nhậu say;...) nên chưa nhận thức đầy đủ, đúng mức về tầm quan trọng của hương ước, quy ước trong quá trình thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

- Nguyên nhân chủ quan:

+ Ban Thường trực UBMTTQ Việt Nam các cấp các tỉnh, thành phố khu vực Tây Nam bộ còn tư tưởng thụ động, trông chờ, ỷ lại vào các văn bản qui phạm pháp luật và hướng dẫn của UBTW MTTQ Việt Nam nên kết quả hoạt động giám sát trong thời gian vừa qua còn nhiều hạn chế.

+ Mặc khác, trước thực trạng các văn bản qui phạm pháp luật về hoạt động giám sát của MTTQ Việt Nam trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới chưa đầy đủ, chưa cụ thể trong khi MTTQ Việt Nam các cấp cũng chưa chủ động, kịp thời đề xuất, phản ánh đến các cơ quan chức năng xem xét xử lý những vấn đề phát sinh trong thực tiễn.

+ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới được triển khai thực hiện chủ yếu trên địa bàn xã; tuy nhiên MTTQ Việt Nam cấp xã chưa mạnh dạn đề xuất, tham mưu với Cấp ủy, Chính quyền xã; chưa tích cực huy động, tập hợp sức mạnh của các tổ chức thành viên Mặt trận và của cộng đồng dân cư địa phương để tiến hành giám sát các nội dung của Chương trình.

Kết luận Chương 2

Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới là chương trình có nội dung toàn diện, tổng hợp các chương trình mục tiêu, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước liên quan trực tiếp đến kinh tế, chính trị, xã hội, quốc phòng, an ninh, ảnh hưởng trực tiếp đời sống vật chất, tinh thần của hơn 70% dân số của cả nước đang sống ở nông thôn và được triển khai thực hiện trong một thời gian dài. Những năm qua, Đảng bộ, Chính quyền, MTTQ và các đoàn thể chính trị – xã hội cùng Nhân dân đã từng bước nhận thức

được tầm quan trọng, khẳng định vai trò, trách nhiệm, xác định được các nhiệm vụ cụ thể cần tham gia và bước đầu đã đạt được một số kết quả rất đáng khích lệ.

- Được sự quan tâm lãnh đạo sâu sát của các Cấp ủy Đảng, sự phối hợp của Hội đồng Nhân dân, Ủy ban Nhân dân các địa phương, sự nỗ lực phấn đấu vượt khó vươn lên và đầu tư đổi mới nội dung phương thức hoạt động của đội ngũ cán bộ MTTQ Việt Nam các cấp; vị trí, vai trò của tổ chức Mặt trận các cấp các tỉnh, thành phố khu vực Tây Nam bộ được nâng lên rõ nét, góp phần quan trọng vào việc thực hiện nhiệm vụ chính trị tại địa phương, tăng cường niềm tin của Nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Chính quyền, vận động Nhân dân của MTTQ Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội, khối đại đoàn kết toàn dân tộc từng bước được củng cố bền vững.

Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân chủ quan, khách quan, một số nhiệm vụ công tác chưa được MTTQ Việt Nam các cấp các tỉnh, thành phố trong khu vực Tây Nam bộ thực hiện chưa hiệu quả, trong đó có công tác giám sát Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; nên rất cần có sự chuyển biến, tạo “cú hích” quan trọng mới có thể phát huy vai trò giám sát của MTTQ Việt Nam trong xây dựng nông thôn mới vùng Tây Nam bộ đạt hiệu quả.

Chương 3

PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ GIÁM SÁT CỦA MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM ĐỐI VỚI XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI KHU VỰC TÂY NAM BỘ GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

3.1. Phương hướng nâng cao hiệu quả giám sát của MTTQ Việt Nam đối với xây dựng nông thôn mới ở miền Tây Nam bộ giai đoạn 2010 -2016.

3.1.1. Mục tiêu của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới

* Mục tiêu tổng thể:

Xây dựng nông thôn mới để nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân; có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội phù hợp; cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn phát triển nông nghiệp với công nghiệp, dịch vụ; gắn phát triển nông thôn với đô thị; xã hội nông thôn dân chủ, bình đẳng, ổn định, giàu bản sắc văn hóa dân tộc; môi trường sinh thái được bảo vệ; quốc phòng và an ninh, trật tự được giữ vững [50].

* Mục tiêu cụ thể:

- Đến năm 2020 số xã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới khoảng 50% (trong đó, mục tiêu phấn đấu của từng vùng, miền là: Miền núi phía Bắc: 28,0%; Đồng bằng sông Hồng: 80%; Bắc Trung Bộ: 59%; Duyên hải Nam Trung Bộ: 60%; Tây Nguyên 43%; Đông Nam Bộ: 80%; Đồng bằng sông Cửu Long: 51%); Khuyến khích mỗi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phấn đấu có ít nhất 01 huyện đạt chuẩn nông thôn mới [50].

- Bình quân cả nước đạt 15 tiêu chí/xã (trong đó, mục tiêu phấn đấu của từng vùng, miền là: Miền núi phía Bắc: 13,8; Đồng bằng sông Hồng: 18,0; Bắc Trung Bộ: 16,5; Duyên hải Nam Trung Bộ: 16,5; Tây Nguyên: 15,2;

Đông Nam Bộ: 17,5; Đồng bằng sông Cửu Long: 16,6); cả nước không còn xã dưới 5 tiêu chí [50].

- Cơ bản hoàn thành các công trình thiết yếu đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất và đời sống của cư dân nông thôn: giao thông, điện, nước sinh hoạt, trường học, trạm y tế xã. Nâng cao chất lượng cuộc sống của cư dân nông thôn; tạo nhiều mô hình sản xuất gắn với việc làm ổn định cho nhân dân, thu nhập tăng ít nhất 1,8 lần so với năm 2015.

- Thông qua việc thực hiện các nội dung của Cuộc vận động, MTTQ Việt Nam các cấp đã trực tiếp vận động thực hiện 15/19 tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới; gián tiếp thực hiện 4 tiêu chí còn lại (tiêu chí số 4,5,7,8 về điện, trường học, chợ nông thôn, bưu điện).

- Thông qua việc phối hợp tổ chức thực hiện xây dựng nông thôn mới góp phần vào việc đổi mới nội dung, phương thức tổ chức, hoạt động của MTTQ Việt Nam; nâng cao hiệu quả phối hợp giữa Ủy ban MTTQ Việt Nam với chính quyền, các ban, ngành liên quan và các tổ chức thành viên cùng cấp.

3.1.2. Từ thực trạng, kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới ở các tỉnh, thành phố khu vực Tây Nam bộ – những vấn đề đặt ra

Sau 5 năm thực hiện, trên phạm vi cả nước nói chung và Tây Nam bộ nói riêng cho thấy, về cơ bản Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đã được khởi động và đạt được những kết quả tương đối khả quan. Song, để chương trình tiếp tục thực hiện và đạt kết quả tốt hơn, còn nhiều vấn đề đặt ra cần được xem xét, điều chỉnh cho phù hợp, đặc biệt đối với các vùng nông thôn như Tây Nam bộ. Cụ thể:

Thứ nhất, do điều kiện, hoàn cảnh khác nhau nên việc hoàn thành các tiêu chí ở từng địa phương, khu vực cũng ở các mức độ khác nhau. Diễn hình

là xã Vị Thanh, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang, tính đến năm 2010 đã hoàn thành 13 tiêu chí, dự kiến đến năm 2013 đạt đủ 19 tiêu chí để trở thành xã nông thôn mới. Bên cạnh đó, còn rất nhiều xã gặp không ít khó khăn khi thực hiện, điều này xảy ra ngay cả ở xã đang có chiều hướng phát triển tốt như xã Vĩnh Viễn, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang, là xã được tỉnh công nhận đạt được 13 tiêu chí giai đoạn 2006 - 2010, nhưng đang gặp không ít khó khăn khi chưa có đường ô - tô liên xã, khi còn 201km kênh, mương rất khó trong việc thực hiện kiên cố hóa. Mà không chỉ riêng xã Vĩnh Viễn mà nhiều xã khác trong các tỉnh, thành phố khu vực Tây Nam bộ đều có đặc thù tương tự.

Thực tế cho thấy, kinh tế ở Tây Nam bộ chủ yếu sản xuất nông nghiệp, nên giao thông và thủy lợi là 2 yếu tố quan trọng hàng đầu, vì vậy để hoàn thành tiêu chí kết cấu hạ tầng với các xã là một việc rất khó khăn.

Một tiêu chí khác cũng có thể gây nhiều trở ngại cho khu vực này trong quá trình thực hiện, đó là việc chuyển đổi cơ cấu lao động. Là vùng thuần nông, lao động nông nghiệp chiếm tỷ lệ lớn, do đó đòi hỏi cơ cấu lao động có độ tuổi làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp chỉ còn 35% theo Bộ tiêu chí không phải là việc dễ dàng, khi công nghiệp trong vùng chưa thật sự phát triển.

Ngoài ra, các tiêu chí trong nhóm thứ tư về văn hóa - môi trường - xã hội cũng sẽ gặp không ít khó khăn. Với các địa phương như Sóc Trăng, Cà Mau hay một số các huyện vùng sâu, vùng xa... việc mở trường, đi lại học tập của học sinh; khám, chữa bệnh của người dân cũng là một thách thức lớn. Vì vậy, đối với các địa phương này, để đạt chuẩn các tiêu chí về văn hóa, giáo dục, y tế phải có sự đầu tư rất lớn từ Nhà nước và Nhân dân.

Thứ hai, về kinh phí đầu tư. Chỉ riêng việc đầu tư cho 11 xã điểm (xã thấp nhất là 10 tỉ, xã cao nhất 50 tỉ), Nhà nước đã phải bỏ ra mấy trăm tỉ đồng. Nếu tiến hành rộng khắp trong cả nước với số lượng khoảng 10.000 xã,

số ngân sách đầu tư sẽ là con số hết sức lớn, chưa kể nguồn đóng góp huy động từ Nhân dân và địa phương. Mặc dù vậy, đối với các tỉnh Tây Nam bộ, theo chúng tôi với mức đầu tư như trên là chưa đủ. Do đó, đầu tư như thế nào có hiệu quả, vừa bảo đảm việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, vừa hỗ trợ được các vùng, các địa phương đang gặp khó khăn vượt lên là yêu cầu cơ bản của quá trình này.

Thứ ba, việc xây dựng nông thôn mới là cần thiết, nhưng phải được tiến hành có trọng điểm và trong một quá trình lâu dài. Vì vậy, đối với các tỉnh Tây Nam bộ để thực hiện có hiệu quả, trước hết nên tập trung vào các tiêu chí là yêu cầu cấp bách cần giải quyết đối với vùng nông thôn, như hạ tầng kinh tế - xã hội gồm giao thông, thủy lợi, điện, trường học, cơ sở văn hóa... Trong đó, giao thông, thủy lợi giữ vị trí quan trọng hàng đầu. Xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội là yêu cầu cơ bản đầu tiên để phát triển kinh tế, trình độ dân trí, mức sống về vật chất, văn hóa tinh thần ở các vùng nông thôn. Đường giao thông tốt sẽ là điều kiện thuận lợi cho việc chuyển giao khoa học - kỹ thuật công nghệ về nông thôn, thúc đẩy phát triển nhanh về kinh tế, tiếp cận nhanh khoa học - kỹ thuật tiên tiến, hiện đại, mở rộng giao lưu kinh tế, văn hóa - xã hội giữa các vùng, miền trong khu vực và cả nước. Đây là yêu cầu quan trọng hàng đầu đối với các tỉnh Tây Nam bộ. Nhìn lại thực trạng về đường giao thông nông thôn ở Tây Nam bộ hiện nay, mặc dù đã có sự thay đổi lớn, song cũng còn không ít địa phương đi lại vẫn hết sức khó khăn. Do đường sá không bảo đảm nên nhiều trẻ em không đến được trường, nhiều người bệnh nặng không được kịp thời cứu chữa. Ở các vùng hằng năm thường xảy ra lũ lụt đường sạt lở nhiều tai nạn đã xảy ra, hàng hóa, sản phẩm tiêu dùng không đến được tay người dân...

Để phát triển mạnh nghề trồng lúa nước, thủy lợi chiếm vị trí quan trọng hàng đầu. Với các tỉnh Tây Nam bộ, do lượng mưa kéo dài hằng năm,

không thể áp dụng hệ thống thủy lợi như các tỉnh phía Bắc và các tỉnh miền Đông Nam bộ. Nên việc tập trung đầu tư cho công trình thủy lợi ở các vùng nông thôn nói chung, đặc biệt các vùng xung yếu là vấn đề cần được chú trọng trong tiến trình xây dựng nông thôn mới.

Vấn đề chuyển đổi cơ cấu lao động ở các vùng nông thôn cũng là tiêu chí khó nhưng cần phải thực hiện trong xây dựng nông thôn mới. Chuyển đổi cơ cấu lao động giữa nông nghiệp và công nghiệp là sự chuyển đổi tất yếu diễn ra trong quá trình CNH, HĐH. Để thực hiện tiêu chí này đòi hỏi hai vấn đề phải được tiến hành song song đó là đào tạo nghề và chuyển đổi cơ cấu ngành sản xuất. Đẩy mạnh đào tạo nghề để có số lượng lao động kỹ thuật tăng, bổ sung cho công nghiệp; chuyển đổi cơ cấu sản xuất trong nông nghiệp thông qua CNH, HĐH nông nghiệp, mở ra nhiều dịch vụ, ngành nghề trong nông nghiệp. Đó là yêu cầu đặt ra để thực hiện chuyển đổi cơ cấu lao động trong quá trình CNH, HĐH đất nước hiện nay. Muốn thực hiện được đòi hỏi phải đầu tư lớn, dựa trên thế mạnh phát triển nông nghiệp, tận dụng mọi khả năng để phát triển công nghiệp chế biến, xuất khẩu các sản phẩm chế biến nông sản. Đây là một quá trình phát triển lâu dài cùng với sự phát triển của CNH, HĐH [26].

3.1.3. Những yêu cầu đặt ra đối với việc nâng cao hiệu quả giám sát của MTTQ Việt Nam trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới ở các tỉnh, thành phố khu vực Tây Nam bộ.

- Tiếp tục bổ sung, hoàn thiện cơ chế pháp lý về việc MTTQ Việt Nam tham gia giám sát Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tạo cơ sở để Mặt trận các tỉnh, thành phố khu vực Tây Nam bộ huy động cao nhất sự tham gia của Nhân dân trong quá trình giám sát.

- Trong khi chờ Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương, UBTW MTTQ Việt Nam điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện cơ chế giám sát; Mặt trận các tỉnh

Tây Nam bộ cần chủ động phối hợp với các tổ chức thành viên Mặt trận, với các cơ quan, đơn vị có liên quan để giám sát hoặc tổ chức các đoàn giám sát đầy đủ, toàn diện 07 lĩnh vực trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

- MTTQ Việt Nam các cấp khu vực Tây Nam bộ đề xuất với Cấp ủy, Chính quyền tạo điều kiện thuận lợi để tổ chức giám sát, công khai kết quả giám sát, xử lý kịp thời những vấn đề hậu giám sát để Nhân dân biết, ủng hộ.

- Đối với việc vận động Nhân dân hưởng ứng thực hiện hương ước, qui ước ở khu dân cư; cần tập trung lãnh đạo tốt việc ban hành hương ước, qui ước ở khu dân cư. Hương ước là văn bản quy phạm xã hội trong đó quy định các quy tắc xử sự chung do cộng đồng dân cư cùng thỏa thuận đặt ra để điều chỉnh các quan hệ xã hội mang tính tự quản của Nhân dân nhằm giữ gìn và phát huy những phong tục, tập quán tốt đẹp và truyền thống văn hóa trên địa bàn làng, bản, thôn, ấp, cụm dân cư, góp phần hỗ trợ tích cực cho việc quản lý Nhà nước bằng pháp luật và triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới hiện nay.

- Trong nội dung hương ước, quy ước ở khu dân cư cần tập trung các vấn đề sau:

+ Đề ra các biện pháp, phương thức thích hợp giúp dân cư trên địa bàn tham gia quản lý Nhà nước, quản lý xã hội, bảo đảm phát huy quyền tự do, dân chủ của Nhân dân; động viên và tạo điều kiện để Nhân dân thực hiện tốt các quyền và nghĩa vụ công dân;

+ Bảo đảm giữ gìn và phát huy thuần phong, mỹ tục, thực hiện nếp sống văn minh trong ứng xử, giao tiếp, ăn, ở, đi lại, xóa bỏ hủ tục, phát triển các hoạt động văn hóa lành mạnh, xây dựng và phát huy tình làng nghĩa xóm, đoàn kết, tương thân, tương ái, hỗ trợ, giúp đỡ lẫn nhau trong cộng đồng dân cư; thực hiện tốt các chính sách xã hội của Đảng và Nhà nước;

+ Đề ra các biện pháp góp phần bảo vệ tài sản Nhà nước, tài sản công cộng và tài sản công dân, bảo vệ môi trường sống, bảo vệ rừng, biển, sông, hồ, danh lam thắng cảnh, đền chùa, miếu mạo, các nguồn nước, đê điều, đập nước, kênh mương, kè cống, đường dây tải điện; xây dựng và phát triển đường làng, ngõ xóm, trồng cây xanh;

+ Đề ra các biện pháp bảo vệ thuần phong, mỹ tục, bài trừ các hủ tục, tệ nạn xã hội và mê tín dị đoan trong việc cưới hỏi, việc tang, lễ hội, thờ phụng ở địa phương; khuyến khích những lễ nghi lành mạnh, tiết kiệm, hạn chế ăn uống lãng phí, tốn kém;

+ Góp phần xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hóa, xây dựng làng, thôn, bản, ấp, cụm dân cư văn hóa, hình thành các quy tắc đạo đức mới trong gia đình và cộng đồng; khuyến khích mọi người đùm bọc, giúp đỡ nhau khi gặp khó khăn, hoạn nạn, ốm đau; vận động thực hiện các chính sách dân số – kế hoạch hóa gia đình, xây dựng các gia đình theo tiêu chuẩn gia đình văn hóa;

+ Xây dựng tình đoàn kết, tương thân, tương ái trong cộng đồng, vận động các thành viên trong gia đình, họ tộc, xóm làng đoàn kết nhau để xóa đói giảm nghèo, phát triển sản xuất, nâng cao đời sống, khuyến học, khuyến nghề ở địa phương; vận động các thành viên trong cộng đồng tham gia tổ hợp tác, hợp tác xã nhằm phát triển sản xuất. Khuyến khích phát triển các làng nghề; đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng và các công trình phúc lợi công cộng: điện, đường, trường học, trạm xá, nghĩa trang, các công trình văn hóa thể thao trên địa bàn. Lập, thu chi các loại quỹ trong khuôn khổ pháp luật và phù hợp khả năng đóng góp của Nhân dân.

+ Đề ra các biện pháp cụ thể bảo vệ trật tự, trị an trên địa bàn góp phần phòng chống các tệ nạn xã hội như ma túy, cờ bạc, rượu chè bê tha, trộm cắp, mại dâm và các hành vi khác vi phạm pháp luật nhằm xây dựng địa bàn trong

sạch. Phát động trong Nhân dân ý thức phòng gian, bảo mật, chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật về tạm trú, tạm vắng; tham gia quản lý, giáo dục, giúp đỡ những người lầm lỗi tại cộng đồng dân cư.

Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đòi hỏi nguồn lực hết sức to lớn trong cộng đồng dân cư và trong xã hội. Từ thực tiễn xây dựng nông thôn mới ở Tây Nam bộ những năm qua đã rút ra bài học là phải phát huy tốt vai trò chủ thể của người dân.

- Phát huy hiệu quả việc thực hiện phương châm “Nhà nước và Nhân dân cùng làm” vào cơ chế đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn. Những việc đầu tư cho các công trình phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội tại các xã nông thôn mới cũng đều xuất phát từ sự thống nhất về mặt chủ trương đầu tư đến quyết định phân bổ đóng góp tự nguyện của người dân đã được bàn bạc trước đó và khâu giám sát việc tổ chức triển khai thực hiện.

Do vậy, mỗi công trình hoàn thành đều có công sức, sự chung tay đóng góp của người dân một cách tự nguyện. Thực tế vừa qua, nhiều công trình hạ tầng nông thôn do Nhân dân vận động và tổ chức thi công có giá thành bình quân khoảng 50% giá dự toán do không tốn chi phí nhân công lao động; chi phí thiết kế; giám sát thi công và các khoảng khác nằm ở đuôi dự toán. Giá thành công trình thấp đã tạo được lòng tin của Nhân dân, của nhà tài trợ, qua đó đã thu hút thêm được nhiều nhà tài trợ mới từ bên ngoài.

- Một tiêu chí quan trọng khác của xã nông thôn mới là phải có nền nông nghiệp phát triển toàn diện theo hướng hiện đại, bền vững, sản xuất hàng hóa lớn, có năng suất, chất lượng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh cao. Tuy nhiên, sản xuất nông nghiệp ở nhiều địa phương vẫn trong tình trạng manh mún. Muốn có nền nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa lớn, hiện đại thì phải tiến hành cơ giới hóa trong sản xuất. Để cơ giới hóa được thì đồng ruộng phải rộng rãi, bằng phẳng, do đó dồn điền, đổi thửa là một yêu cầu tất

yếu. Song, thực hiện dồn điền, đổi thửa không chỉ thay đổi cung cách làm ăn của người dân mà liên quan đến quyền lợi kinh tế của nhiều hộ dân.

Vì vậy, chỉ có phát huy vai trò chủ thể, tính tự giác, tự nguyện của người dân, công tác dồn điền, đổi thửa mới diễn ra thuận lợi. Để có một nền nông nghiệp đạt năng suất cao, chất lượng tốt, với khả năng cạnh tranh cao, người nông dân phải tiến hành chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, áp dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào trong sản xuất. Nhà nước, Chính quyền địa phương có thể gợi ý các mô hình sản xuất nông nghiệp mang lại hiệu quả kinh tế cao, tập huấn, hướng dẫn cho người dân nhưng chính người dân mới là người thực hiện và học tập các tiến bộ khoa học - kỹ thuật.

- Ngoài những tiêu chí trên, một xã đạt chuẩn nông thôn mới chỉ khi trình độ dân trí của người dân được nâng cao, người dân có đời sống văn hóa lành mạnh, tiên tiến, đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc, tình làng nghĩa xóm được tôn trọng, có nhiều làng văn hóa, gia đình văn hóa, an ninh, trật tự ở địa phương được bảo đảm. Những tiêu chí này chỉ khi nào người dân tích cực, tự giác tham gia thực hiện thì mới có thể đạt được.

- Trong huy động sức dân xây dựng nông thôn mới không được làm quá sức dân. Người dân không phải trong một sớm một chiều được thụ hưởng những kết quả từ việc xây dựng nông thôn mới nên ngay từ đầu kêu gọi họ đóng góp quá sức sẽ tạo cho họ cảm giác xây dựng nông thôn mới là một gánh nặng. Vì vậy phải dân chủ bàn bạc trong Nhân dân trước khi tiến hành huy động, đảm bảo vừa sức, từng bước, tránh nóng vội.

Vấn đề quan trọng và có ý nghĩa nhất hiện nay là phát huy đúng mức vai trò to lớn của Nhân dân, tránh hai thái cực: Huy động quá sức dân nhưng cũng tránh tư tưởng trông chờ, ỷ lại đang có chiều hướng gia tăng trong Nhân dân. Và quan trọng hơn cả là MTTQ Việt Nam các cấp phải tiến hành giám sát chặt chẽ, hay nói cách khác là “trọng tài” trong quá trình này. Có như thế,

hoạt động giám sát của Mặt trận mới phát huy đúng mức ý nghĩa: vừa tạo động lực để huy động cao nhất các nguồn lực trong Nhân dân tham gia xây dựng nông thôn mới, vừa không là “vật cản” trong quá trình thực hiện Chương trình.

3.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả giám sát của MTTQ đối với xây dựng nông thôn mới ở các tỉnh Tây Nam bộ giai đoạn 2016 - 2020

3.2.1. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về cơ chế giám sát của MTTQ Việt Nam đối với Chương trình mục tiêu xây dựng nông thôn mới

a. Nhóm kiến nghị Chính phủ và Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu xây dựng nông thôn mới.

- Trong quá trình ban hành các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn phương pháp đánh giá các tiêu chí xây dựng nông thôn mới cần hết sức chú trọng tính linh hoạt, phù hợp với từng vùng, miền; đặc điểm cư dân; đặc điểm kinh tế, văn hóa, xã hội; đặc trưng nông thôn của mỗi vùng, miền về đất đai, giao thông, thủy lợi, cư dân, nhà ở nông thôn, hạ tầng nông thôn,... tránh tình trạng rập khuôn máy móc.

- Bổ sung quy định: Khi nghiệm thu các đề án, dự án, các công trình... Chính quyền địa phương phải coi trọng tính khả thi, tính hiệu quả; những đề án, dự án, công trình đó có phát huy được sự tham gia của Nhân dân trong huy động đóng góp, trong tổ chức triển khai thực hiện, kết quả công tác giám sát, kiểm tra, hiệu quả sử dụng và công tác quản lý của Nhân dân trong quá trình xây dựng nông thôn. Chú trọng tiêu chí đánh giá “phần mềm” trong phát triển nông thôn như cơ chế, các vấn đề xã hội, phát triển con người...

- Xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện đến các địa phương trong cả nước, MTTQ Việt Nam và các tổ chức thành viên để phát hiện các gương điển hình tiêu biểu trong thực hiện, trong giám sát Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới để nhân rộng.

b. Nhóm kiến nghị UBTW MTTQ Việt Nam

- Phối hợp với Thanh tra Nhà nước tổng kết 12 năm thực hiện Nghị định 99/2005/NĐ-CP ngày 28/07/2005 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Thanh tra về tổ chức và hoạt động của Ban Thanh tra Nhân dân.

- Phối hợp với Bộ Xây dựng tổng kết 12 năm thực hiện Quyết định số 80/2005/QĐ-TTg ngày 18/4/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế giám sát đầu tư của cộng đồng để đánh giá kết quả, rút kinh nghiệm và nhân ra diện diện rộng những địa phương làm tốt, những mô hình, cách làm hay; đồng thời điều chỉnh văn bản quy phạm pháp luật cho phù hợp với thực tế tình hình hiện nay.

- Phối hợp với Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới ban hành hướng dẫn về việc MTTQ Việt Nam tham gia giám sát Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Trong đó quy định rõ nội dung, nhiệm vụ, điều kiện, kinh phí giám sát của MTTQ Việt Nam ở từng cấp (tránh tình trạng hiện nay việc giám sát phải vận dụng Quyết định 217-QĐ/TW của Bộ Chính trị chứ chưa có văn bản qui phạm pháp luật quy định cụ thể).

- Phối hợp với Bộ Tài chính quy định chi tiết về việc công khai các nguồn vốn đầu tư từ ngân sách Nhà nước cho Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Trong đó, có phân theo kỳ đầu tư, theo lĩnh vực đầu tư, theo địa phương đầu tư để MTTQ Việt Nam phân giao cho các tổ chức thành viên, các địa phương tham gia giám sát tiến độ và hiệu quả sử dụng đồng vốn từ ngân sách. Việc công khai này được thực hiện vào tháng 7 hàng năm để các địa phương kịp xây dựng kế hoạch giám sát cho năm sau.

- Phối hợp với Chính phủ tổ chức sơ kết 05 năm thực hiện Quyết định 1620- QĐ/TTg ngày 20/09/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành kế hoạch tổ chức thực hiện phong trào “Cả nước chung tay xây dựng nông

thôn mới” để kịp thời biểu dương, khen thưởng, động viên phong trào và nhân rộng các điển hình làm tốt trong chương trình này và điều chỉnh những bất cập trong quá trình triển khai những năm vừa qua.

3.2.2. Các giải pháp khác nhằm nâng cao hiệu quả giám sát của MTTQ đối với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới ở các tỉnh, thành phố khu vực Tây Nam bộ.

a. Giải pháp nâng cao sự lãnh đạo của Cấp ủy Đảng các cấp; sự phối hợp đồng bộ, nhịp nhàng giữa Hội đồng Nhân dân, Ủy ban Nhân dân với UBMTTQ Việt Nam các cấp.

Qua thực tiễn nghiên cứu đã chứng minh rằng, nơi nào Cấp ủy Đảng có sự quan tâm đúng mức, lãnh đạo sâu sát, kịp thời; sự phối hợp hiệu quả giữa Hội đồng Nhân dân, Ủy ban Nhân dân với UBMTTQ Việt Nam cùng cấp thì nơi đó công tác giám sát của MTTQ Việt Nam nói chung, công tác giám sát Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới nói riêng đạt kết quả tốt. Vừa góp phần ngăn chặn, hạn chế những sai sót, tiêu cực có thể xảy ra; vừa động viên, khuyến khích tinh thần trách nhiệm vì cộng đồng của Nhân dân; vừa cổ vũ, khích lệ hoạt động của MTTQ và các đoàn thể chính trị – xã hội phát huy hiệu quả. Có thể nói sự lãnh đạo của Cấp ủy Đảng là yếu tố quyết định cho sự thành công của mọi phong trào tại địa phương; trong đó có hoạt động giám sát của MTTQ Việt Nam trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

b. Nhóm giải pháp về công tác tuyên truyền vận động.

- Làm tốt công tác tuyên truyền, vận động, nhằm nâng cao nhận thức của Cấp ủy Đảng, Chính quyền, Mặt trận, các tổ chức thành viên Mặt trận và các tầng lớp Nhân dân về ý nghĩa và tầm quan trọng của công cuộc xây dựng nông thôn mới. Việc xây dựng nông thôn mới là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân, của cả hệ thống chính trị, là nhiệm vụ trọng tâm trong phát triển

kinh tế - xã hội của mỗi cấp để tạo sự quyết tâm trong chỉ đạo, thực hiện nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới tại mỗi địa phương, đơn vị.

- Chính quyền, MTTQ Việt Nam và các tổ chức thành viên Mặt trận ở các tỉnh, thành phố khu vực Tây Nam bộ phải thực hiện tốt công tác dân vận. Tích cực tuyên truyền, vận động để người dân thông hiểu Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới nhằm mục đích phát triển nông thôn toàn diện, bền vững, góp phần nâng cao hơn nữa đời sống vật chất và tinh thần của chính dân cư nông thôn. Trong xây dựng nông thôn mới, người dân vừa là người làm vừa là người thụ hưởng. Đồng thời, các cấp Chính quyền, MTTQ, các đoàn thể cũng cần chú ý tuyên truyền cho người dân hiểu trong điều kiện nguồn ngân sách hạn hẹp, Nhà nước chỉ hỗ trợ một phần kinh phí, hỗ trợ kỹ thuật,... còn vai trò chính vẫn là của mỗi người dân. Khi người dân hiểu thấu đáo vấn đề này, sẽ không còn tư tưởng trông chờ, ỷ lại.

- Cán bộ Chính quyền, MTTQ và các đoàn thể ở địa phương phải gương mẫu đi đầu trong việc đóng góp tiền của, ngày công để Nhân dân nhìn vào đó thực hiện. Hơn nữa, họ đang sinh sống và công tác tại địa phương nên cũng cần có trách nhiệm góp công, góp của vào sự nghiệp xây dựng nông thôn mới ở địa phương như những người dân bình thường khác.

- Làm tốt công tác tuyên truyền pháp luật, nhất là các vấn đề có liên quan đến phát huy dân chủ ở cơ sở, đến hoạt động giám sát, Thanh tra Nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng... để phát huy tốt vai trò chủ thể của Nhân dân. Các cấp Chính quyền, MTTQ và các tổ chức thành viên Mặt trận phải phát huy dân chủ, tạo điều kiện để Nhân dân tự quản, tự bàn bạc quyết định chương trình xây dựng nông thôn mới ở địa phương. Chỉ khi nào cán bộ xã, ấp lấy công khai, minh bạch làm đầu, phát huy tính dân chủ ở cơ sở, tạo điều kiện cho người dân có quyền quyết định và giám sát việc sử dụng nguồn

vốn do mình đóng góp thì khi đó người dân mới tích cực, hăng hái đóng góp tiền của để xây dựng nông thôn mới.

- Ban Thường trực UBTW MTTQ Việt Nam chỉ đạo báo Đại Đoàn kết, Tạp chí Mặt trận, Cổng Thông tin điện tử của Mặt trận Trung ương mở chuyên mục tuyên truyền về nông thôn mới. Phối hợp với Đài Truyền hình Việt Nam nâng cao chất lượng chuyên mục Đại Đoàn kết để thường xuyên thông tin về MTTQ Việt Nam tham gia xây dựng nông thôn mới. Phối hợp tổ chức xây dựng các phóng sự tuyên truyền về mô hình, kinh nghiệm MTTQ tham gia xây dựng và giám sát việc xây dựng nông thôn mới của các xã, các huyện đạt chuẩn nông thôn mới trong cả nước trong đó có các tỉnh, thành phố khu vực Tây Nam bộ.

- Mặt trận Trung ương chủ trì phối hợp giữa các cơ quan tuyên truyền của Mặt trận và các tổ chức thành viên. Nội dung tuyên truyền là các nội dung, tiêu chí, giải pháp, ý nghĩa về xây dựng nông thôn mới nhất là việc thực hiện Luật Hợp tác xã, xây dựng hợp tác xã kiểu mới; góp phần tạo sự đồng thuận cao trong các tầng lớp Nhân dân; phát huy nguồn lực; phát hiện và giới thiệu gương điển hình, mô hình khu dân cư, xã, phường, thị trấn tiêu biểu trong tổ chức, thực hiện xây dựng và giám sát việc xây dựng nông thôn mới.

- Xác định vai trò trọng tâm, đi đầu của MTTQ và các tổ chức thành viên Mặt trận là đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động rộng rãi Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đến với từng cán bộ, công chức và quần chúng Nhân dân. Trọng tâm là phát huy hiệu quả các mô hình tuyên truyền, vận động trên diện rộng.

- Đẩy mạnh công tác phối hợp giữa Chính quyền với MTTQ Việt Nam các cấp và các tổ chức thành viên Mặt trận về tuyên truyền phổ biến Nghị quyết, các văn bản, quyết định của Trung ương, của địa phương trong thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016

- 2020 gắn với cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” và phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới”. Trong đó định hướng, phân công mỗi đoàn thể đảm nhận từ 2 - 3 tiêu chí trong bộ tiêu chí nông thôn mới. MTTQ, các tổ chức thành viên Mặt trận cần cụ thể hóa từng nội dung trong tiêu chí được giao nhiệm vụ phụ trách để khuyến khích tìm ra nhiều cách làm mới, mô hình hay, mang lại hiệu quả phù hợp với từng địa phương.

- Gắn kết chặt chẽ giữa nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới với cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết, xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh" do MTTQ Việt Nam chủ trì phát động. Chú ý kết hợp hài hòa giữa việc xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế với xã hội, phát triển sản xuất với việc chăm lo xây dựng đời sống văn hóa tinh thần, thực hiện tốt các chính sách xã hội, y tế, giáo dục, văn hóa, thể thao, xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; khai thác, phát huy những truyền thống văn hóa, phong tục, tập quán tốt đẹp của Nhân dân trên địa bàn.

c. Nhóm giải pháp về nâng cao hiệu quả công tác giám sát của MTTQ Việt Nam các tỉnh, thành phố khu vực Tây Nam bộ trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

- MTTQ Việt Nam các cấp khu vực Tây Nam bộ tiến hành tổng kết đánh giá hiệu quả công tác giám sát Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng giai đoạn 2010 – 2015; rút kinh nghiệm, nhân rộng điển hình tốt trong quá trình thực hiện tại địa phương mình và trao đổi bàn biện pháp khắc phục những hạn chế trong công tác giám sát mà đề tài đã nghiên cứu phát hiện ra.

- Ban Thường trực UBMTTQ Việt Nam các tỉnh, thành phố khu vực Tây Nam bộ báo cáo Thường trực Tỉnh ủy, trao đổi thống nhất với Hội đồng Nhân dân, Ủy ban Nhân dân, Văn phòng điều phối cấp tỉnh Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới những mục tiêu, nội dung cần tập trung

giám sát trong từng thời điểm; có kế hoạch và phân công trách nhiệm đối với các tổ chức thành viên của Mặt trận và thành viên của các Đoàn giám sát độc lập do MTTQ Việt Nam cấp tỉnh quyết định thành lập.

- Ban Thường trực UBMTTQ Việt Nam cấp tỉnh hướng dẫn Ban Thường trực UBMTTQ Việt Nam cấp huyện những nội dung cần tập trung giám sát trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới hàng năm và trong suốt giai đoạn 2016 – 2020. Trong đó, cần chú trọng xác định rõ những nội dung theo phân cấp để MTTQ Việt Nam cấp huyện tổ chức giám sát ở cấp mình và hướng dẫn cho cấp xã tổ chức triển khai thực hiện.

- Ban Thường trực UBMTTQ Việt Nam các tỉnh, thành phố khu vực Tây Nam bộ nhanh chóng triển khai Hướng dẫn số 78/HD-MTTW-BTT ngày 24/4/2017 của Ban Thường trực UBMTTQ Việt Nam về Nội dung, cách thức, quy trình lấy ý kiến về sự hài lòng của người dân đối với kết quả xây dựng nông thôn mới ở cấp huyện, xã theo Quyết định số 2540/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới; địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020.

- Trong triển khai thực hiện các chương trình, dự án tại địa phương cơ sở cần đảm bảo tính công khai, minh bạch, người dân được bàn bạc, thống nhất trước khi triển khai. Phải thực sự phát huy vai trò làm chủ của người dân trong các chương trình, dự án, nhất là các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng, từ việc lập kế hoạch xây dựng dự án, tổ chức thi công, giám sát, duy tu bảo dưỡng công trình; lãnh đạo Cấp ủy, Chính quyền, MTTQ và các tổ chức thành viên Mặt trận phải sâu sát dân, tạo mọi điều kiện để “dân biết, dân bàn, dân chọn,

dân làm, dân kiểm tra giám sát và hưởng lợi từ kết quả xây dựng nông thôn mới”.

d. Nhóm giải pháp về phát huy vai trò của hương ước, quy ước trong hoạt động giám sát xây dựng nông thôn mới.

- MTTQ Việt Nam và các tổ chức thành viên Mặt trận các tỉnh, thành phố khu vực Tây Nam bộ phát động Nhân dân các địa phương xây dựng hương ước, quy ước của khu dân cư. Thông qua đó vận động Nhân dân hưởng ứng Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đồng thời đề ra các biện pháp cần thiết hỗ trợ cơ quan có thẩm quyền phát hiện, xử lý vi phạm pháp luật trên địa bàn.

- Trong quá trình xây dựng hương ước, quy ước của khu dân cư cần chú trọng đến các biện pháp thưởng, phạt phù hợp với đặc điểm tình hình tại địa phương; bảo đảm triển khai thực hiện các quy định của pháp luật về tổ chức tự quản ở cơ sở như Tổ hòa giải, Ban an ninh, Tổ bảo vệ sản xuất, Ban kiến thiết và các tổ chức tự quản khác.

Kết luận chương 3

Trên cơ sở nền tảng lý luận và những phân tích thực tế, bài học kinh nghiệm rút ra về thực trạng xây dựng nông thôn mới ở các tỉnh, thành phố khu vực Tây Nam bộ, chương 3 đã đưa ra chủ trương, hệ thống quan điểm và đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả giám sát của MTTQ Việt Nam đối với quá trình xây dựng nông thôn mới.

- *Thứ nhất*, nền tảng của quá trình xây dựng nông thôn mới là sự đảm bảo về mặt kinh tế và trình độ dân trí phát triển. Chính vì vậy, phải đặt hệ thống các chủ trương, quan điểm giám sát, giải pháp nâng cao hiệu quả giám sát của MTTQ Việt Nam đối với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới của cả nước nói chung và Tây Nam bộ nói riêng trong mối quan hệ hữu cơ với những giải pháp nhằm đảm bảo sự phát triển kinh tế, nâng

cao trình độ dân trí, phát huy các giá trị truyền thống văn hóa đi đôi với đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở nông thôn.

- *Thứ hai*, trên cơ sở đó, hệ thống các giải pháp tập trung vào 3 yếu tố: hệ thống luật pháp bao gồm các văn bản quy phạm pháp luật trong đó có cả hương ước, quy ước ở khu dân cư đầy đủ, đồng bộ, cụ thể; công tác vận động tuyên truyền của hệ thống chính trị ở từng cấp phải đảm nhanh chóng, nhạy bén, phục vụ hiệu quả cho phong trào xây dựng nông thôn mới; công tác đánh giá, phân tích hiệu lực hoạt động giám sát của MTTQ Việt Nam đối với quá trình xây dựng nông thôn mới cần sâu sát, kịp thời khắc phục những hạn chế, yếu kém mới có thể đưa nhanh công cuộc xây dựng nông thôn mới ở các tỉnh Tây Nam bộ tiến lên bước phát triển mới.

KẾT LUẬN

Vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn là vấn đề lớn của cả nước luôn được Đảng, Nhà nước đặc biệt quan tâm; Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới là một chương trình có quy mô toàn quốc, huy động toàn bộ hệ thống chính trị và cả xã hội tham gia, ảnh hưởng toàn diện mọi mặt của đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh quốc phòng của hầu

hết các địa phương trong cả nước và được triển khai, thực hiện trong thời gian dài.

Để thực hiện thắng lợi Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đòi hỏi toàn dân phải chung tay hưởng ứng, đóng góp tiền của, công sức, trí tuệ từ nhiều nguồn lực khác nhau.

Với quy mô, tính chất, mức độ, tính đa dạng, phong phú và khối lượng công việc khổng lồ cần phải thực hiện để xây dựng nông thôn mới; mặt khác do phải tiến hành trong một thời gian dài nên bao giờ cũng rất cần có sự kiểm tra, giám sát từ các cơ quan chức năng của Chính quyền, nhưng quan trọng hơn cả là sự giám sát từ “tai, mắt” của Nhân dân thông qua Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Luận văn “Giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đối với xây dựng nông thôn mới từ thực tiễn Tây Nam bộ” đã góp phần xác định những thuận lợi cũng như khó khăn ảnh hưởng đến việc giám sát của MTTQ Việt Nam đối với quá trình xây dựng nông thôn mới; phân tích thực trạng hoạt động giám sát của MTTQ Việt Nam đối với xây dựng nông thôn mới các tỉnh, thành phố khu vực Tây Nam bộ và đề xuất những giải pháp cơ bản nhằm đẩy nhanh và thực hiện có hiệu quả hoạt động giám sát của MTTQ Việt Nam đối với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đến năm 2020.

Mong rằng kết quả nghiên cứu sẽ hữu ích cho MTTQ Việt Nam các cấp khu vực Tây Nam bộ trong giám sát Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Đồng thời, đây còn là nguồn tài liệu tham khảo cho hệ thống MTTQ Việt Nam, lãnh đạo các cấp, các ngành, các tỉnh, thành phố khu vực Tây Nam bộ, cũng như của những địa phương khác có điều kiện tương đồng vận dụng vào thực tiễn lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện động giám sát của MTTQ Việt Nam hoặc có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo

trong các cơ sở đào tạo, nghiên cứu chính sách và những cá nhân quan tâm đến vấn đề thực hiện chính sách xây dựng nông thôn mới.

Chúng ta luôn thấm nhuần tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh: Đại đoàn kết toàn dân tộc là nguồn sức mạnh quan trọng trong mọi cuộc cách mạng. Người viết: “Có lực lượng dân chúng việc to tát mấy, khó khăn mấy cũng làm được. Không có thì việc gì làm cũng không xong. Dân chúng biết giải quyết nhiều vấn đề một cách giản đơn, mau chóng, đầy đủ mà những người tài giỏi, những đoàn thể to lớn nghĩ mãi không ra”. Nếu các tỉnh, thành phố khu vực Tây Nam bộ nói riêng và cả nước nói chung biết phát huy đúng mức vai trò và sức mạnh Nhân dân, biết tổ chức cho Nhân dân giám sát hoạt động của bộ máy công quyền tin chắc rằng Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới sẽ đi đến thành công.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2008), *Nghị quyết số 24/NQ-CP ngày 28/10/2008 ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05/8/2008 Hội nghị lần thứ bảy.*
2. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2008), *Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05/8/2008 Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.*
3. Nguyễn Văn Bích (2007), *Nông nghiệp, nông thôn Việt Nam sau 20 năm đổi mới - quá khứ và hiện tại*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
4. Bộ Chính trị (2013) *ban hành Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội, Quyết định 217/QĐ-TW ngày 12/12/2013.*
5. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2007) *Thông tư 70/2007/TT-BNN ngày 01/08/2007.hướng dẫn xây dựng và tổ chức thực hiện quy ước bảo vệ và phát triển rừng tại cộng đồng dân cư thôn.*
6. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2009), *Công văn số 2543/BNN-KTHT ngày 21/8/2009 hướng dẫn đánh giá và lập báo cáo xây dựng nông thôn mới cấp xã giai đoạn 2010-2020, định hướng đến năm 2030.*
7. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2009), *Thông tư 54/TT-BNNPTNT ngày 21/8/2009 hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí Quốc gia về nông thôn mới.*
8. Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn (2010), *Sổ tay hướng dẫn xây dựng nông thôn mới*, Nxb Lao động, Hà Nội.
9. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2010), *Thông tư số 07/TT-BNNPTNT ngày 08/02/2010 về việc hướng dẫn quy hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp cấp xã theo bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới.*
10. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2013), *Thông tư 41/TT-*

BNNPTNT ngày 04/10/2013 hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí Quốc gia về nông thôn mới.

11. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Kế hoạch đầu tư, Bộ Tài chính (2011), *Thông tư liên tịch số 26/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC ngày 13/04/2011 hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 4/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020.*

12. Bộ trưởng Bộ Nội vụ (2004), *Quyết định số 04/QĐ-BNV ngày 16/01/2004 quy định tiêu chuẩn cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn.*

13. Bộ Tư pháp, Bộ Văn hóa Thông tin, Ban thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (2000) *Thông tư liên tịch số 03/2000/TTLT-BTP-BVHTT- BTTUBTUMTTQVN ngày 31/3/2000 hướng dẫn việc xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của làng, bản, thôn, ấp, cụm dân cư.*

14. Bộ Tư pháp, Bộ Văn hóa Thông tin, Ban thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (2001), Ủy ban quốc gia Dân số Kế hoạch hóa gia đình *hướng dẫn bổ sung Thông tư liên tịch số 03/2000/TTLT-BTP-BVHTT-BTTUBTUMTTQVN, Thông tư liên tịch số 04/2001/TTLT-BTP-BVHTT-BTTUBMTTQVN-UBQGDSKHHGD ngày 09/7/2001.*

15. Bộ Văn hóa, thể thao và du lịch (2010), *Thông tư số 12/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2010 quy định mẫu về tổ chức, hoạt động và tiêu chí của Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã.*

16. Bộ Văn hóa, thể thao và du lịch (2011), *Thông tư số 06/TT-BVHTTDL ngày 8/3/2011 quy định mẫu về tổ chức, hoạt động và tiêu chí của Nhà Văn hóa - Khu Thể thao thôn.*

17. Bộ Văn hóa, thể thao và du lịch (2014), *Thông tư số 05/TT-BVHTTDL ngày 30/5/2014 sửa đổi, bổ sung Điều 26 của Thông tư số 12/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2010 quy định mẫu về tổ chức, hoạt động và tiêu chí của Trung*

tâm Văn hóa - Thể thao xã và Thông tư số 06/TT-BVHTTDL ngày 8/3/2011 quy định mẫu về tổ chức, hoạt động và tiêu chí của Nhà Văn hóa - Khu Thể thao thôn.

18. Bộ Xây dựng (2010), *Thông tư số 09/2010/TT-BXD ngày 04/8/2010 quy định việc lập nhiệm vụ, đồ án quy hoạch và quản lý quy hoạch xã nông thôn mới.*

19. Chính phủ (2003), *Nghị định số 79/2003/NĐ-CP ngày 07/7/2003, Quy chế thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn*, Chính phủ (2016), *Nghị định số 155/2016/QĐ-TTg ngày 18/11/2016 của Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.*

20. Nguyễn Sinh Cúc (2003), *Nông nghiệp, nông thôn Việt Nam thời kỳ đổi mới*, Nxb Thống kê, Hà Nội.

21. Phan Đại Doãn và Bùi Xuân Đính (2000), *“Luật tục và phát triển nông thôn hiện nay ở Việt Nam”*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

22. Bùi Xuân Đức (2003) - Viện nghiên cứu Nhà nước và pháp luật – *Hương ước mới: những vấn đề điều chỉnh pháp luật.*

23. Bùi Quang Dũng, Nghiên cứu viên Cao cấp, Viện Xã hội học - *Hương ước và mấy vấn đề quản lý xã hội nông thôn hiện nay.*

24. Phạm Ngọc Dũng (2011), *Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn từ lý luận đến thực tiễn ở Việt Nam hiện nay*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

25. Lê Thị Mai Liên và Nguyễn Thị Lê Thu, *Chính sách huy động và quản lý các nguồn lực tài chính xây dựng nông thôn mới.*

26. Lê Quốc Lý (2012), *Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn - vấn đề và giải pháp*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

27. Lê Chi Mai (2001), *Những vấn đề cơ bản về chính sách và qui trình chính sách*, Nxb Đại học quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

28. Phạm Xuân Nam (1997), *Phát triển nông thôn*, Nxb khoa học xã hội, Hà Nội.
29. Trần Ngọc Ngoạn (2008), *Phát triển nông thôn bền vững những vấn đề lý luận và kinh nghiệm thế giới*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
30. Vũ Văn Phúc (2012), *Xây dựng nông thôn mới những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
31. Bùi Duy Hoàng - *Vai trò của kinh tế nông nghiệp vùng đồng bằng sông Cửu Long, những lĩnh vực sản xuất phát triển động lực trong nông nghiệp của vùng.*
32. Quốc hội (2010), *Luật Thanh tra*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội..
33. Quốc hội (2013), *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (sửa đổi)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
34. Quốc hội (2014), *Luật Xây dựng*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội..
35. Quốc hội (2015), *Luật Bảo hiểm xã hội*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
36. Quốc hội (2015), *Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng Nhân dân*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội..
37. Quốc hội (2015), *Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng Nhân dân*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội..
38. Quốc hội (2015), *Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội..
39. Quốc hội (2015), *Luật Nghĩa vụ quân sự*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
40. Quốc hội (2015), *Luật Tổ chức chính quyền địa phương*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội..
41. Nguyễn Văn Sáu và Hồ Văn Thông (2001), *Cộng đồng làng xã Việt Nam hiện nay*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
42. Đặng Kim Sơn (2008), *Nông nghiệp, nông dân, nông thôn Việt Nam hôm nay và mai sau*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
43. Phan Xuân Sơn và Nguyễn Cảnh (2009), *Xây dựng mô hình nông thôn*

mới ở nước ta hiện nay, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

44. Thủ tướng Chính phủ (1998), *Chỉ thị số 24/1998/CT-TTg ngày 19/6/1998 về việc xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của làng, bản, thôn, ấp, cụm dân cư.*

45. Thủ tướng Chính phủ (2009), *Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16/04/2009 ban hành Bộ tiêu chí Quốc gia về nông thôn mới.*

46. Thủ tướng Chính phủ (2010), *Quyết định số 22/QĐ-TTg ngày 05/01/2010 phê duyệt Đề án phát triển văn hoá nông thôn đến năm 2015, định hướng đến năm 2020.*

47. Thủ tướng Chính phủ (2010), *Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 – 2020.*

48. Thủ tướng Chính phủ (2013), *Quyết định số 342/QĐ-TTg ngày 20/02/2013 về sửa đổi một số tiêu chí của Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới.*

49. Thủ tướng Chính phủ (2014), *Quyết định số 372/QĐ-TTg ngày 14/3/2014 về việc xét công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới.*

50. Thủ tướng Chính phủ (2016), *Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020.*

51. Thủ tướng Chính phủ (2016), *Quyết định số 1730/QĐ-TTg ngày 5/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới” giai đoạn 2016 – 2020.*

52. Thủ tướng Chính phủ (2016), *Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020.*

53. Thủ tướng Chính phủ (2016), *Quyết định số 2540/QĐ-TTg ngày*

30/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới; địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020.

54. Trần Lê Đăng Tuấn (2014), *Hệ thống chính trị cấp xã trong việc thực thi chính sách xây dựng nông thôn mới ở Kiên Giang hiện nay*, luận văn thạc sĩ Chính trị học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

55. Đào Trí Úc (2003), *Hương ước trong quá trình thực hiện dân chủ ở nông thôn Việt Nam hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1.

Kết quả Công nhận số Huyện, Xã thuộc các tỉnh, thành phố Tây Nam bộ trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2015

TT	Tỉnh, thành phố	Tổng số xã của tỉnh	Huyện đạt chuẩn	Xã đạt chuẩn NTM	Tỷ lệ	Bình quân tiêu chí/xã	Xã dưới 5 tiêu chí	Ghi chú
1	Long An	166		49	29,52	15,05		
2	Tiền Giang	139		12	8,63	11,50		
3	Bến Tre	144		4	2,78	10,06	2	
4	Trà Vinh	85		20	23,53	13,66		
5	Vĩnh Long	89		23	25,84	14,48		
6	Cần Thơ	36	Phong Điền	18	50,00	15,36		
7	Hậu Giang	54	TX. Ngã Bảy	12	22,22	13,43		
8	Sóc Trăng	80		21	26,25	15,16		
9	An Giang	119		13	10,92	11,45		
10	Đồng Tháp	119		26	21,85	14,28	1	
11	Kiên Giang	118		19	16,1	13,14		
12	Bạc Liêu	49		9	18	14,35		
13	Cà Mau	82		17	20,73	13,16		

PHỤ LỤC 2:

Các Tiêu Chí Cơ Bản Nông Thôn Mới Giai Đoạn 2016 – 2020

Tiêu chí 9. Quy định về nhà ở dân cư; quy định phải đạt tiêu chí về Nhà tạm, dột nát (Tiêu chí 9.1); Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn theo quy định phải đạt bằng hoặc trên 70% (Tiêu chí 9.2)

Tiêu chí 10. Về thu nhập; quy định thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn đến năm 2020 (triệu đồng/người) phải đạt bằng hoặc trên 50% dân số.

Tiêu chí 11. Về hộ nghèo quy định tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020 phải đạt bằng hoặc dưới 4% tổng số hộ dân cư.

Tiêu chí 12. Về lao động có việc làm yêu cầu phải đạt quy định 100% tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động.

Tiêu chí 14. Về Giáo dục và Đào tạo qui định phải đạt quy định về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục trung học cơ sở (Tiêu chí 14.1); tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, trung cấp) đạt bằng hoặc trên 80% (Tiêu chí 14.2); tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo phải bằng hoặc trên 25% tổng số lao động (Tiêu chí 14.3)

Tiêu chí 15. Về Y tế quy định tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế phải đạt 100% (Tiêu chí 15.1); tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) phải đạt bằng hoặc dưới 20,5% trên tổng số trẻ em (Tiêu chí 15.3).

Tiêu chí 17. Quy định về môi trường và an toàn thực phẩm; quy định tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định bằng hoặc trên 95% số hộ dân; về nước sạch phải bằng hoặc trên 65% tổng số hộ dân (Tiêu chí 17.1); tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản,

làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường 100% (Tiêu chí 17.2); đạt 100% số hộ xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn (Tiêu chí 17.3)

Về mai táng phải phù hợp với quy định và theo quy hoạch của UBND cấp tỉnh (quy định cụ thể để phù hợp với điều kiện thực tế và đặc điểm văn hóa từng dân tộc) (Tiêu chí 17.4); về chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất - kinh doanh 100% phải được thu gom, xử lý theo quy định (Tiêu chí 17.5); phải đạt hoặc vượt 70% số hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch (Tiêu chí 17.6)

Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường phải đạt bằng hoặc trên 70% tổng số hộ chăn nuôi (Tiêu chí 17.7) và 100% hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm (Tiêu chí 17.8)

Tiêu chí 18. Về hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật; Tiêu chí 18.6. quy định phải đảm bảo 100% đạt bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội.

Tiêu chí 19. Về Quốc phòng và an ninh quy định 100% xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên: không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) được kiểm chế, giảm liên tục so với các năm trước (Tiêu chí 19.2)